

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/04/2010



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(ĐKNY số...../GCN-SGDHN số.....cấp ngày.....)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Số nhà 2 - Phố Sùng Yên - Thị Trấn Phả Lại - Thị Xã Chí Linh- Tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: (84- 0320) 3580.414
- Fax: (84 - 0320) 3583.102
- E-mail: info@songda12-caocuong.vn
- Website : www.songda12-caocuong.vn

2. Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính

- Tầng 10 - Toà A. Tháp đôi VinCom - 191 Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 22 200 672 - Fax: (84.4) 22 200 669

Chi nhánh

- Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 38 218 508

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Phạm Văn Thanh

Chức vụ: Kế toán trưởng

- Số điện thoại: 0320.3582903
- Fax: 0320.3583102

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

*Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp,
Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/04/2010*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Loại cổ phiếu	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết	: 9.000.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	: 90.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**Công ty tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam**

Địa chỉ: 160 Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 38 689566

Fax: (84.4) 38 686248

TỔ CHỨC TƯ VẤN:**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BSC)****- Trụ sở chính**

Địa chỉ: Tầng 10, Tháp A VinCom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 22 200 672 Fax: (84.4) 22 200 669

E-mail: service@bsc.com.vn Website: www.bsc.com.vn

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 39 142 956 Fax: (84.8) 38 218 510

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO -----	7
1.	Rủi ro kinh tế-----	7
2.	Rủi ro về luật pháp-----	8
3.	Rủi ro đặc thù -----	8
4.	Rủi ro khác -----	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH -----	10
1.	Tổ chức niêm yết -----	10
2.	Tổ chức tư vấn -----	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT -----	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT-----	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển-----	12
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty -----	17
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý-----	17
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông -----	21
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết-----	24
6.	Hoạt động kinh doanh-----	24
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất -----	43
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành -----	46
9.	Chính sách đối với người lao động -----	48
10.	Chính sách cổ tức -----	49
11.	Tình hình hoạt động tài chính -----	49
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát -----	53
13.	Tài sản-----	70
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới -----	74
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức -----	81
15.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết-----	81
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu niêm yết -----	81
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT-----	81
1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông-----	81

2.	Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phiếu -----	81
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết: 9.000.000 (chín triệu) cổ phiếu -----	81
4.	Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 90.000.000.000 VND (chín mươi tỷ đồng) -----	81
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết -----	81
6.	Phương pháp tính giá -----	83
7.	Giới hạn nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài -----	83
8.	Các loại thuế liên quan -----	83
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT -----	85
1.	Tổ chức kiểm toán -----	85
2.	Tổ chức tư vấn -----	85

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/05/2010.....	21
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập	22
Bảng 3: Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 31/05/2010	24
Bảng 4: Giá bán trung bình của các sản phẩm năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010	27
Bảng 5: Cơ cấu sản phẩm năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010	27
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu và cung cấp dịch vụ năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010	28
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010	29
Bảng 8: Cơ cấu chi phí 2008, 2009 và quý 1 năm 2010	31
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010	43
Bảng 10: Thông tin về người lao động tại thời điểm 31/03/2010.....	48
Bảng 11: Tình hình trích lập các quỹ theo luật định tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010	50
Bảng 12: Tình hình nợ vay tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010.....	51
Bảng 13: Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010	51
Bảng 14: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010	51
Bảng 15: Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010	52
Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2008, 2009.....	52
Bảng 17: Danh mục tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2010.....	70
Bảng 18: Danh mục những máy móc thiết bị chuyên dụng Công ty đang sử dụng đến thời điểm 31/03/2010	70
Bảng 19: Danh sách Nhà xưởng đến thời điểm 31/03/2010.....	73
Bảng 20: Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2010 – 2012.....	74
Bảng 21: Lợi nhuận thu được từ dự án	80

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Hình 1: Sơ đồ bộ máy quản lý	18
Hình 2: Quá trình chuyển hoá sản phẩm.....	24
Hình 3: Biểu đồ giá thành sản phẩm qua các năm.....	27
Hình 4: Biểu đồ sản lượng qua các năm	28
Hình 5: Biểu đồ cơ cấu doanh thu.....	28
Hình 6: Sơ đồ công nghệ sấy ướt.....	33
Hình 7: Sơ đồ công nghệ sấy khô tro bay	36

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Cũng như những công ty sản xuất khác, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động về kinh tế vĩ mô của đất nước.

- *Tốc độ tăng trưởng kinh tế:* Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 2008 đã có những tác động không nhỏ đến nền kinh tế nước ta, khiến cho tỷ lệ tăng trưởng giảm từ mức 8.5% năm 2007¹ xuống còn 6.23% năm 2008² và 5,32% năm 2009³. Mặc dù chính phủ đã có những biện pháp điều chỉnh kịp thời và nền kinh tế đã có những bước phục hồi đáng kể, tuy nhiên những rủi ro biến động kinh tế vĩ mô toàn cầu vẫn còn tồn tại. Chính phủ các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam đang phải cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng bền vững và kiềm chế lạm phát. Vì vậy, khi đánh giá những tác động kinh tế vĩ mô đối với hoạt động của một doanh nghiệp cần hết sức thận trọng. Đặc biệt trước sự biến động của cuộc khủng hoảng kinh tế châu Âu diễn ra vào đầu tháng 5/2010 sẽ có những tác động xấu tới toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- *Lãi suất:* Trong năm 2008 lãi suất không ngừng tăng cao, mức đỉnh điểm lên tới 21%/năm. Đầu năm 2009 Chính phủ đã nới lỏng chính sách tiền tệ để tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Tuy nhiên đến cuối năm 2009 và những tháng đầu năm 2010, mặt bằng lãi suất lại tăng cao, lúc đỉnh điểm lãi suất cho vay trung và dài hạn lên tới 18%/năm. Xu thế biến động của lãi suất vẫn phụ thuộc rất nhiều vào biến động kinh tế trong nước và quốc tế vốn rất khó dự đoán. Trong thời gian qua, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu của Công ty Sông Đà Cao Cường còn khá thấp, tuy nhiên, trong thời gian sắp tới, khi công ty thực hiện vay vốn dài hạn để phục vụ cho đầu tư dự án nhà máy gạch nhẹ, tỷ lệ này sẽ thay đổi khá nhiều. Vì vậy, biến động lãi suất cũng là một trong những rủi ro cần được xem xét kỹ lưỡng.
- *Lạm phát:* Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, lạm phát năm 2009 của Việt Nam được duy trì ở mức thấp (6.88%)⁴ so với các năm trước đó (luôn ở mức hai con số). Trong những tháng đầu năm 2010, tỷ lệ tăng CPI của cả nước ở mức khá cao và dự đoán cả năm mức lạm phát từ 8-10%⁵. Khi lạm phát

¹ Nguồn: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2008/12/081226_vietnam_gdp_down.shtml

² Nguồn: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2008/12/081226_vietnam_gdp_down.shtml

³ Nguồn: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2009/12/091231_viet_economy_2009.shtml

⁴ Nguồn: <http://vietbao.vn/Kinh-te/Lam-phat-nam-2009-dat-muc-tieu/65184935/87/>

⁵ Nguồn: <http://vietbao.vn/Kinh-te/Lam-phat-nam-2010-co-the-cao-hon-du-bao/20887532/87/>

tăng cao, nhu cầu vốn lưu động của Công ty cũng có xu hướng tăng theo, do đó làm giảm khả năng sinh lời có thể mang lại. Tỷ lệ lạm phát còn ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả các yếu tố đầu vào, đặc biệt là giá dầu diesel chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí sản xuất và tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới v.v... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự nhất quán và ổn định, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa được đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty

Là một công ty đại chúng, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó những thay đổi, điều chỉnh là khó tránh khỏi và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động cũng như cổ phiếu niêm yết của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù**

- *Rủi ro ngành nguyên vật liệu xây dựng:*

Đặc tính nổi bật của ngành nguyên vật liệu xây dựng là nhạy cảm với chu kỳ kinh doanh của nền kinh tế vĩ mô. Khi nền kinh tế tăng trưởng, doanh số và lợi nhuận của các công ty trong ngành sẽ tăng cao. Ngược lại, khi nền kinh tế rơi vào suy thoái hoặc phát triển chậm lại, khó khăn trong việc huy động vốn và giải ngân cho các dự án xây dựng nhà cửa, cầu cống,... sẽ khiến doanh số cũng như lợi nhuận của ngành nguyên vật liệu xây dựng bị ảnh hưởng. Ngoài ra đối với Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, nguồn cầu của Công ty chủ yếu là các công trình xây dựng cơ bản đòi hỏi vốn đầu tư lớn, giải ngân trong thời gian dài. Do vậy khi nền kinh tế gặp khó khăn, tiến độ giải ngân của các công trình này bị chậm lại sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của công ty.

- *Rủi ro về cạnh tranh:*

Hiện nay số lượng đơn vị sản xuất tro bay trong nước không nhiều (khoảng 3 đơn vị), trong đó thị phần của Công ty chiếm tới 80%. Việc các công ty mới ra nhập ngành này sẽ không nhiều do yếu tố vùng nguyên liệu (xỉ than của nhà máy nhiệt điện).

Ngoài tro bay là chất phụ gia trộn bê tông để xây dựng các công trình thủy điện thì còn có chất phụ gia khác là Puzolan có tính năng tương tự. Do vậy, các công ty sản xuất chất phụ gia Puzolan cũng chính là những đối thủ cạnh tranh của công ty. Tuy nhiên trên thực tế, các công ty cung cấp chất phụ gia này cũng không nhiều do các mỏ Puzolan nằm khá rải rác khắp đất nước và tro bay vẫn là một phụ gia được ưa chuộng hơn trong xây dựng do những đặc tính kỹ thuật vượt trội.

Tuy vậy, thị trường tro bay hiện nay cũng bị bó hẹp chủ yếu trong các dự án thủy điện và một số các công trình xây dựng cơ bản. Chính vì vậy, nếu không mở rộng hoạt động sản xuất sang các sản phẩm vật liệu xây dựng khác thì Công ty cũng khó giữ duy trì được doanh thu trong các năm tiếp theo khi mà các dự án thủy điện này sẽ thực hiện xong giai đoạn xây dựng.

- *Rủi ro về thanh khoản:*

Tính đến thời điểm kết thúc năm 2009, vốn vay trên vốn chủ sở hữu của công ty đang ở mức rất thấp là 3.7%, do vậy rủi ro về thanh khoản hiện nay của công ty là nhỏ. Tuy nhiên để triển khai dự án gạch nhẹ AAC trong thời gian tới, công ty sẽ phải sử dụng tới nguồn vốn vay khá lớn, và rủi ro đối với tính thanh khoản là có thể xảy ra.

- *Rủi ro về các yếu tố đầu vào:*

Nguyên vật liệu đầu vào chính của công ty là xỉ than phế thải, dầu diesel,... Trong khi xỉ than phế thải được ký hợp đồng mua của nhà máy nhiệt điện Phả Lại với một mức giá thấp do những lợi ích về môi trường của việc xử dụng những nguyên liệu này mang lại, giá dầu diesel lại biến động mạnh cùng với những biến động trên thị trường nguyên nhiên liệu quốc tế. Trong năm 2009, giá dầu diesel trên thế giới đã tăng hơn 12% (www.theaa.com) khiến cho giá dầu trong nước tăng theo khiến chi phí đầu vào của công ty tăng đáng kể.

Ngoài ra, chi phí vận chuyển cũng chiếm một tỷ lệ trọng yếu trong chi phí bán hàng của công ty nhất là khi các dự án thủy điện hiện tại của công ty như Bản Chát, Sông Tranh,... cách khá xa nhà máy của Công ty, việc giá xăng dầu tăng sẽ làm tăng chi phí vận chuyển khiến cho chi phí bán hàng và kéo theo là lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng.

Chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý trong thời gian qua cũng tăng tương ứng với mức tăng giá điện, nguyên vật liệu,... khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng. Trong thời gian sắp tới, với những biến động khó lường trước của tình hình kinh tế chính trị thế giới, giá cả các nguyên nhiên vật liệu đầu vào đều có khả năng tăng mạnh.

- *Rủi ro về đầu tư:*

Công ty hiện đang triển khai đầu tư dự án nhà máy gạch nhẹ AAC. Tiến độ hiện nay của dự án là đang trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy và chọn nhà thầu cung cấp máy móc thiết bị. Công ty đã tiến hành những thủ tục pháp lý cần thiết và tiến độ triển khai đang diễn ra đúng như dự kiến. Mặc dù đây là một dự án đầy tiềm năng và hiệu quả dự án được đánh giá rất cao, tuy vậy, do đây là nhà máy đầu tiên tại Việt Nam sản xuất gạch nhẹ nên những rủi ro liên quan đến hoạt động cũng như hiệu quả của dự án vẫn có khả năng xảy ra.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Kiều Văn Mát

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Thanh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Trần Đình Tuấn

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Trần Thị Thu Thanh

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 770/QĐ-BSC ngày 24/07/2008).

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BSC) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- Luật chứng khoán: Luật chứng khoán số 70/2006/QH XI được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK Hà Nội: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Công ty: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- BGĐ: Ban Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm Soát
- SXKD: Sản xuất kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về công ty

Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tên giao dịch đối ngoại	: Song Da Cao Cuong Joint Stock Company
Tên giao dịch viết tắt	: SONG DA CAO CUONG, JSC

Logo:



Trụ sở chính của Công ty	: Số 2 - Sùng Yên - Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương
Điện thoại:	: (84- 0320) 3580.414 – 3582903
Fax:	: (84 - 0320) 3583.102
Email:	: info@songdal2-caocuong.vn
Website	: www.songdal2-caocuong.vn
Mã số thuế:	: 0800376530
Số tài khoản:	: 46110000061469 - Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh bắc Hải Dương.
Vốn điều lệ	: 90.000.000.000 VNĐ
Giấy đăng ký kinh doanh	: Số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/04/2010.

Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại);
- ✓ Sản xuất, mua bán than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Khai thác, chế biến khoáng sản (đá, quặng, than, cát, đất sét, cao lanh);
- ✓ Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;

- ✓ Nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông, xi măng và vật liệu xây dựng;
- ✓ Mua, bán hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói, đồ điện, điện tử, điện lạnh, máy và thiết bị văn phòng;
- ✓ Vận tải hàng hoá bằng ô tô và tàu thủy;
- ✓ Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng;
- ✓ Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV;
- ✓ Xây dựng hệ thống cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp;
- ✓ San lấp mặt bằng công trình; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- ✓ Gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng;
- ✓ Đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- ✓ Mua, bán phụ tùng máy tuyến, máy sấy, hoá chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng;
- ✓ Mua bán phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng.
- ✓ Tư vấn, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ: xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường thành lập năm 2007, có vốn điều lệ ban đầu là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) gồm có các cổ đông lớn là: Công ty cổ phần Sông Đà 12, thuộc Tổng công ty xây dựng Sông Đà; Công ty cổ phần LICOGI 16.6, thuộc Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI); Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường

Qua 2 năm hoạt động, Công ty đã gặt hái được nhiều thành công và đạt một số giải thưởng như:

- Giải thưởng thương mại dịch vụ Việt Nam – Top Trade Services năm 2007
- Giải thưởng Top 10 Doanh nhân Thương mại dịch vụ tiêu biểu – Top Trade Services AWARDS năm 2008
- Giải nhất Giải thưởng Sáng tạo Khoa học- Công nghệ Việt Nam năm 2008).



1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Thông tin	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Thời gian thực hiện	06-10/2007	07-08/2008	- Phát hành cho CĐ hiện hữu: 30/01/2010 - Phát hành riêng lẻ 23/02/2010
Vốn điều lệ trước đợt tăng vốn (đồng)	30.000.000.000	50.000.000.000	60.000.000.000
Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	20.000.000.000	10.000.000.000	- Phát hành cho CĐ hiện hữu: 20.000.000.000 - Phát hành riêng lẻ: 10.000.000.000
Vốn điều lệ sau đợt tăng vốn (đồng)	50.000.000.000	60.000.000.000	90.000.000.000
Số lượng cổ đông trước đợt tăng vốn	95	121	153
Số lượng nhà đầu tư được phân phối	29	68	- Phát hành cho CĐ hiện hữu: 153 - Phát hành riêng lẻ: 39
Số lượng cổ đông sau đợt tăng vốn	124	180	184
Phương thức phát hành	Riêng lẻ	Riêng lẻ	Chào bán ra công chúng & Phát hành riêng lẻ

Thông tin cụ thể về các đợt phát hành như sau:

Đợt 1

- Vốn điều lệ: 30.000.000 VNĐ
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Thời gian phát hành: 01/06/2007- 31/10/2007
- Khối lượng phát hành: 2.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 VNĐ/cổ phần
- Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHCĐ số 40/NQ- ĐHCĐBT ngày 06/06/2007.

Đợt 2

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ
- Phát hành riêng lẻ
- Thời gian phát hành: 01/07/2008- 31/08/2008
- Khối lượng phát hành: 1.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Giá phát hành: 10.000 VNĐ
- Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHCĐ số 01 ngày 21/06/2008

Trong năm 2008 Công ty đã chào bán chứng khoán vi phạm Luật Chứng khoán, Thanh tra UBCKNN đã xử lý vi phạm theo quyết định số 20/QĐ-TT ngày 27/03/2009. Công ty chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán vi phạm trên nêu trên và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có khiếu kiện. Tính tới thời điểm hiện tại, không có khiếu kiện nào liên quan đến đợt chào bán này.

Đợt 3

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ
- Phát hành 1 triệu cổ phần cho đối tác chiến lược và 2 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Thời gian phát hành: 31/01/2010 – 25/02/2010
- Khối lượng phát hành: 3.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Giá phát hành:
 - Cổ đông hiện hữu: 10.000VNĐ/ cổ phần
 - Cổ đông chiến lược: 15.000 VNĐ/cổ phần
- Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHCĐ số 246/NQ-ĐHCĐ ngày 29/09/2009 và Giấy phép của UBCKNN số 467/UBCK-GCN ngày 10/12/2009.

1.4. Mục tiêu phát triển

Mặc dù mới được thành lập và đi vào hoạt động năm 2007 nhưng chỉ sau hai năm, Sông Đà Cao Cường đã có những sự phát triển vượt bậc, nhanh chóng mở rộng thị phần và trở thành nhà cung cấp lớn nhất sản phẩm tro bay trên thị trường với thị phần lên đến 80%.

Tuy nhiên, với việc tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn diễn biến phức tạp khó lường trước ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngành nói chung và Sông Đà Cao Cường nói riêng, việc xây dựng một chiến lược kinh doanh cụ thể, cân trọng trong trung và dài hạn để giữ vững thị phần cũng như doanh số và lợi nhuận là rất cần thiết. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra mục tiêu đưa Sông Đà Cao Cường trở thành một tập đoàn lớn với sản phẩm và dịch vụ cung cấp đa dạng. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục phát triển ổn định và giữ vững thị phần đối với sản phẩm tro bay. Mở rộng nền tảng khách hàng từ những công trình thủy điện sang những công trình xây dựng cơ bản khác như cầu, cống, đường xá... và những công ty xi măng.
- Mở rộng danh mục sản phẩm cung cấp từ tro bay sang các sản phẩm gạch và nguyên vật liệu cung cấp trực tiếp đến các công trình công cộng và dân dụng. Hướng đến mục tiêu các sản phẩm này sẽ là các sản phẩm chính của công ty trong tương lai không xa.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo công nhân viên, ổn định đội ngũ cán bộ và cơ cấu công ty, hướng đến một mô hình tổ chức chặt chẽ, hoạt động hiệu quả.



Lễ đón nhận chứng nhận chứng chỉ chất lượng sản phẩm tro bay

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2 – Sùng Yên - Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương

Email : info@songda12-caocuong.vn

Website : www.songda12-caocuong.vn

Điện thoại : (84- 0320) 3580.414 – 3582903

Fax : (84 - 0320) 3583.102

Nhà máy sản xuất tro bay

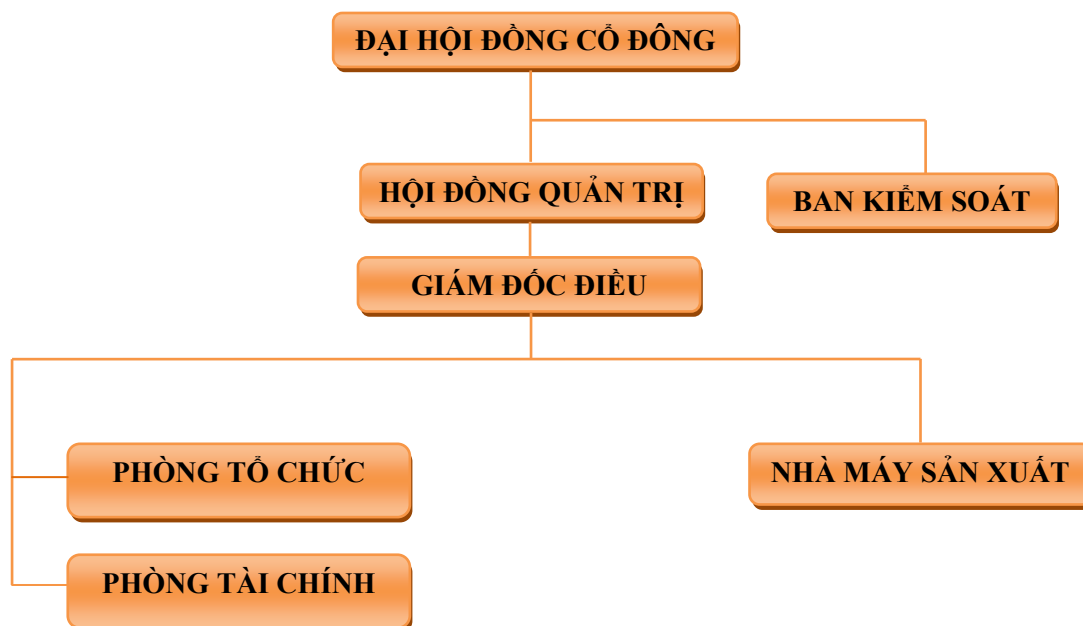
Địa chỉ : Đập xỉ - Phường Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương.
(Cách nhà máy nhiệt điện Phả Lại 3 km)

Điện thoại : 0320.2472787

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 27/03/2009;
- Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, chi tiết theo sơ đồ dưới đây:



Hình 1: Sơ đồ bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.
- **Hội đồng Quản trị (HĐQT):** là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT thay mặt cổ đông quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT.
- **Ban kiểm soát (BKS):** Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- **Ban Giám đốc (BGĐ):** gồm có một Tổng Giám đốc và ba Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh và chuyên môn cao

trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Kiều Văn Mát (Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc)

- Các Phòng nghiệp vụ

- Phòng Tổ chức hành chính: có chức năng và nhiệm vụ sau
 - Chức năng:
 - Chức năng tham mưu.
 - Chức năng quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
 - Chức năng kiểm tra công việc được phụ trách, được giao về chuyên môn
 - Chức năng tổng hợp, phân tích, báo cáo
 - Nhiệm vụ: Tham mưu, xây dựng kế hoạch, tác nghiệp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tổng kết phân tích, báo cáo hoàn thiện hồ sơ về:
 - Công tác đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Công tác kế hoạch, kinh doanh (mua và bán), điều động, tác nghiệp, phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Công tác kỹ thuật, công nghệ, môi trường.
 - Công tác tổ chức, đổi mới quản lý công ty, công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách liên quan đến lao động.
 - Công tác hành chính, văn phòng, giúp việc HĐQT và Ban giám đốc
 - Các công tác khác
- Phòng Tài chính - Kế toán: có các chức năng và nhiệm vụ sau
 - Chức năng:
 - Kiểm soát toàn bộ tình hình thu chi tài chính của công ty.
 - Bảo đảm nguồn vốn cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
 - Thực hiện công tác hạch toán kế toán toàn đơn vị.
 - Tham mưu cho ban giám đốc về các chính sách tài chính.
 - Nhiệm vụ:

- Chỉ đạo phân công nhiệm vụ thực hiện công tác hạch toán kế toán toàn đơn vị
 - Triển khai tiếp cận và hoàn thiện các hồ sơ về huy động các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ việc kê khai, thanh quyết toán thuế với cơ quan thuế, và các khoản thu, nộp vào ngân sách nhà nước.
- **Nhà máy sản xuất tro bay:** lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện điều hành sản xuất trực tiếp tại các phân xưởng tổ đội. Đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất ra theo đúng chỉ tiêu về số lượng, chất lượng theo kế hoạch sản xuất đã được giao. Một số thông tin về nhà máy sản xuất tro bay:
- Địa chỉ: Đập xỉ - phường Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương (cách nhà máy nhiệt điện Phả Lại 3 km)
 - Tổng diện tích mặt bằng : 50.000 m²
 - Tổng diện tích xây dựng nhà máy: 14.763m²
 - Tổng vốn đầu tư: 65.110.700.000đ. Trong đó vốn tự có 65.110.700.000đ, vốn vay ngân hàng không có.
 - Thời gian bắt đầu đầu tư từ tháng 06 năm 2007; thời gian đưa vào hoạt động tháng 12/2007.
 - Công nghệ sản xuất: công nghệ mới, tiên tiến nhập khẩu & chế tạo trong nước.
 - Công suất thiết kế :
 - Tro bay ẩm : 400.000 tấn/ năm
 - Tro bay khô: 300.000 tấn/năm
 - Công suất hiện nay bằng 60 % công suất thiết kế.
 - Nhà máy hoạt động một ngày 3 ca làm việc liên tục.
 - Sản phẩm chính :
 - Tro bay ẩm có độ ẩm $\leq 22\%$, tro bay khô có độ ẩm $\leq 3\%$, độ mất khi nung $\leq 6\%$ (Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ASTM - C618 của Mỹ).
 - Ứng dụng: phụ gia cho bê tông đầm lăn, bê tông chất lượng cao, bê tông tự đầm, bê tông bền sun fát, dùng cho sản xuất

vật liệu không nung (gạch bloc, gạch nhẹ, tấm vách tường, tấm trần...)

- Sản phẩm phụ :
 - Than qua tuyển (than sạch qua lửa)
 - Ứng dụng: phục vụ cho ngành công nghiệp nhẹ, như gốm, sứ... sản xuất than cốc, than hoạt tính và làm than đốt phục vụ cho dân sinh.
- Nguyên liệu chính dùng cho sản xuất sản phẩm: tro xỉ thải từ nhà máy nhiệt điện Phả Lại.
- Nguyên, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất :
 - Cho tuyển nổi: dầu tuyển.
 - Cho sấy khô : than cốc (cho sấy trực tiếp), than cám 6A (cho sấy gián tiếp)
 - Bao bì chứa SP: loại bao chứa có trọng lượng 1000,kg/bao, dạng nhựa.
 - Điện năng dùng vận hành các động cơ, cho các lò sấy và chiếu sáng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/05/2010

<i>STT</i>	<i>Tên cổ đông</i>	<i>Số CMND/ ĐKKD</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
1	Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Cao Cường	403000014, 13/05/2002, Sở KHĐT Hải Dương	Số 79 - Trần Hưng Đạo - Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương	1.330.000	14,78
2	Công ty CP Sông Đà 12	03007524, 22/04/2005, Sở KHĐT TP Hà Nội	Lô 1- Khu G - Nguyễn Tuân - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	534.500	5,94
3	Công ty Licogi 16.6	03017362, 19/05/2007, Sở KHĐT TP Hà Nội	Tầng 4 - Tòa nhà Cty 34 - Ngõ 164 - Đường Khuất Duy Tiến - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà	1.136.600	12,63

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
4	Công ty Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam	0103017950/1 5/06/2007, Sở KHĐT TP Hà Nội	Nội Số 09 - Nhà CT5- KĐT Mỹ Đình - Mễ Tri - Đường Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội	474.000	5,27%
Tổng				3.475.100	38,61%

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số CP góp vốn ban đầu⁶	Tỷ lệ góp vốn ban đầu
1	Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	403000014, 13/05/2002, Sở KHĐT Hải Dương	Số 79 - Trần Hưng Đạo - Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương	900.000	30%
Đại diện:					
1.	Ông Kiều Văn Mát	141403007 Cấp ngày 10/05/2007 Tại CA Hải Dương	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương	700.000	
2.	Ông Kiều Quang Vọng	140073772 cấp ngày 23/4/2002 tại CA Hải Dương	Nhà 378, Lục Đầu Giang, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	200.000	
2	Công ty Sông Đà 12	03007524, 22/04/2005, Sở KHĐT TP Hà Nội	Lô 1- Khu G - Nguyễn Tuân - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	600.000	20%

⁶ Theo giấy CN ĐKKD số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007

<i>STT</i>	<i>Tên cổ đông</i>	<i>Số CMND/ ĐKKD</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số CP góp vốn ban đầu⁶</i>	<i>Tỷ lệ góp vốn ban đầu</i>
	Đại diện:	Nội			
1.	Ông Hoàng Hữu Tâm	013017984 cấp ngày 1/12/2007 tại CA Hà Nội	Số 5, A4 tầng 1, Phan Bội Châu, Trần Đăng Ninh, Nam Định	350.000	
2.	Ông Đỗ Dũng	112368926 cấp ngày 20/10/2007 tại CA Hà Tây	Số 12, ngõ 3, đường Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, Hà Tây	250.000	
3	Ông Nguyễn Hồng Quyền	011230993, 08/12/2005, CA Hà Nội	586 Đường Bưởi - Phường Vĩnh Phúc- Ba Đình - Hà Nội	150.000	5%
Tổng cộng				1.650.000	55%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Ghi chú: Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ Cơ cấu cổ đông”.

Tính đến ngày 17/04/2010, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của Sông Đà Cao Cường.

Bảng 3: Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 31/05/2010

<i>Thành phần sở hữu</i>	<i>Số lượng cổ đồng</i>	<i>Số cổ phần sở hữu</i>	<i>Giá trị (Nghìn đồng)</i>	<i>Tỷ lệ</i>
Cổ đông Nhà nước		-	-	-
Cổ đông trong nước	305	9.000.000	90.000.000	100%
- Cá nhân	300	5.224.900	52.249.000	58%
- Tổ chức	5	3.775.100	37.751.000	42%
Cổ đông nước ngoài		-	-	-
- Cá nhân		-	-	-
- Tổ chức		-	-	-
Tổng số	305	9.000.000	90.000.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

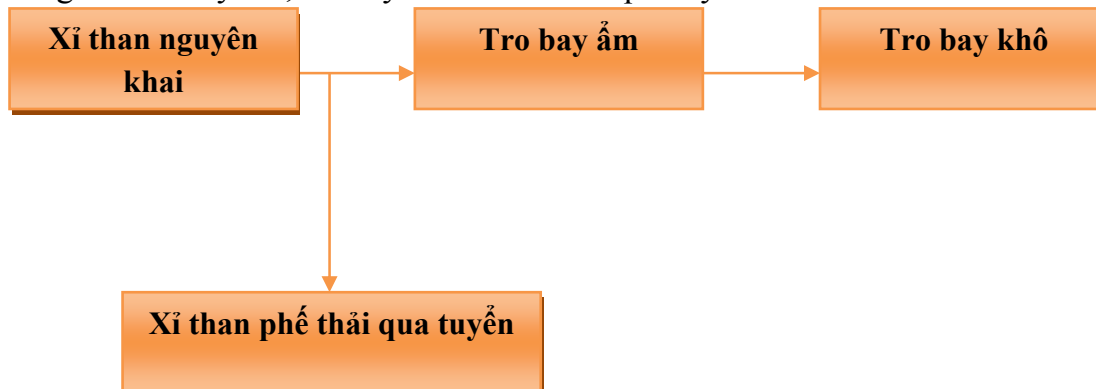
Không có

6. **Hoạt động kinh doanh**

- 6.1. **Giá trị sản phẩm qua các năm**

- 6.1.1. **Giới thiệu về sản phẩm chính của Sông Đà Cao Cường**

Từ tro xỉ phế thải của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, Công ty đã sản xuất ra các sản phẩm gồm: tro bay ẩm, tro bay khô và xỉ than qua tuyển.



Hình 2: Quá trình chuyển hoá sản phẩm

Tỷ lệ:

Đầu vào**Thành phẩm**

- 1,538 tấn Xi than nguyên khai : ○ 1 tấn tro bay ẩm
- 0,461 xi than phế thải qua tuyển
- 1,28 tấn tro bay ẩm : ○ 1 tấn tro bay khô

- **Tro bay:** là chất phụ gia cho bê tông đầm lăn, bê tông chất lượng cao, bê tông tự đầm, bê tông bền sun fát, dùng cho sản xuất vật liệu không nung (gạch block, gạch nhẹ, tấm vách tường, tấm trần...). Sản phẩm tro bay của Công ty được phân làm hai loại: tro bay khô (tro bay có độ ẩm $\leq 3\%$) và tro bay ẩm (tro bay có độ ẩm $\leq 22\%$). Hàm lượng mất khi nung trung bình của hai sản phẩm này ở mức $\leq 6\%$.

Công nghệ chế biến tro bay từ xi than nguyên khai bao gồm ba công đoạn chính: “Tuyển ướt - Cô đặc bằng keo tụ - Sấy khô trong lò cánh vảy”.

- Bụi tro bay có kích thước rất nhỏ nên sử dụng công nghệ tuyển ướt ổn định được tỷ lệ rắn/lỏng trong dung dịch nguyên liệu, làm giảm chi phí thuốc tuyển và ổn định chất lượng cần thiết của sản phẩm.
- Cô đặc tro bay bằng keo tụ giải quyết được vấn đề công suất rất lớn của dây chuyền trên một diện tích có hạn, mà không cần bất cứ một thiết bị cô đặc nào với chi phí keo tụ không đáng kể.
- Sấy khô nhanh bằng lò cánh vảy làm hạn chế lượng sản phẩm hạt mịn theo dòng khí đi vào khu vực lọc bụi, tăng khả năng tiếp xúc của vật liệu cần sấy với hơi nóng để tăng năng suất, hiệu suất đốt, giảm tiêu hao năng lượng, không có tiếng ồn, chi phí điện năng tương tự như lò sấy gián tiếp, chi phí nhiên liệu đốt, nhân công thấp, khả năng tự động hóa cao, dễ vận hành thao tác, ít hư hỏng nặng, hệ số thu hồi sản phẩm cao (95%), tăng tuổi thọ của túi lọc bụi và thay than cục đắt tiền bằng than cám rẻ tiền hơn

Tro bay đang là một phụ gia đặc biệt cho bê tông, có thể thay thế tới 20% xi măng. Việc bổ sung tro bay giúp cho bê tông đạt chất lượng cao hơn, từ độ mác 300, có thể lên đến 700, thậm chí 900. Do cấu trúc mịn, tro có thể làm tăng độ nhớt của vữa và giúp khử vôi trong xi măng (thành phần vốn gây "nở", làm giảm chất lượng bê

⁷ Độ mác là khả năng chịu nén của mẫu bê tông, mẫu để đo cường độ có kích thước 150mm x 150mm x 150mm, được thực hiện theo điều kiện tiêu chuẩn trong thời gian 28 ngày. Trong kết cấu xây dựng, bê tông chịu nhiều tác động khác nhau: chịu nén, uốn, kéo, trượt, trong đó chịu nén là ưu thế lớn nhất của bê tông. Do đó, người ta thường lấy cường độ chịu nén là chỉ tiêu đặc trưng để đánh giá chất lượng bê tông, gọi là mác bê tông. Mác bê tông được phân loại từ 100, 150, 200, 250, 300, 400, 500 và 600.

tông). Đặc biệt, khi đổ những khối bê tông cực lớn hay làm đập thủy điện, việc bổ sung phụ gia tro bay giúp công nhân có thể đổ gián đoạn, mà không cần phải đổ liên tục như bình thường.

Việc sử dụng tro bay làm phụ gia cho bê tông trong các công trình xây dựng, đặc biệt là các công trình đòi hỏi kết cấu bê tông lớn và bền vững đã được áp dụng từ lâu trên thế giới. Trước đây, các công trình ở Việt Nam khi sử dụng tro bay đều phải nhập khẩu từ các nước lân cận (chủ yếu là Trung Quốc) nên việc biến nguồn xỉ than thải thành loại phụ gia này được đánh giá là mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn cho bản thân công ty và cho đất nước ta.

- **Xỉ than qua tuyển:** hay còn gọi là than sạch qua lửa. Đây là sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất tro bay. Sản phẩm này dùng để phục vụ cho ngành công nghiệp nhẹ, như gốm, sứ... sản xuất than cốc, than hoạt tính và làm than đốt phục vụ cho dân sinh.

6.1.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Sản phẩm chính của Công ty là tro bay, trong đó tro bay khô được bán chủ yếu cho các công trình thủy điện lớn như Sơn La, Bản Chát còn tro bay ẩm được bán chủ yếu cho các công ty sản xuất xi măng, bê tông ngoài quốc doanh. Hơn nữa, tro bay khô là loại tro bay cao cấp đã qua xử lý, mang lại giá trị gia tăng cao cho doanh nghiệp, trong khi đó, tro bay ẩm chỉ là một sản phẩm trung gian sản xuất tro bay khô hoặc gạch, xi măng. Vì vậy, có thể thấy sản phẩm tro bay khô chiếm tỷ trọng áp đảo trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Điều này cũng thể hiện triết lý kinh doanh của Công ty khi tập trung vào sản phẩm cuối cùng có giá trị gia tăng cao hơn là các sản phẩm trung gian.

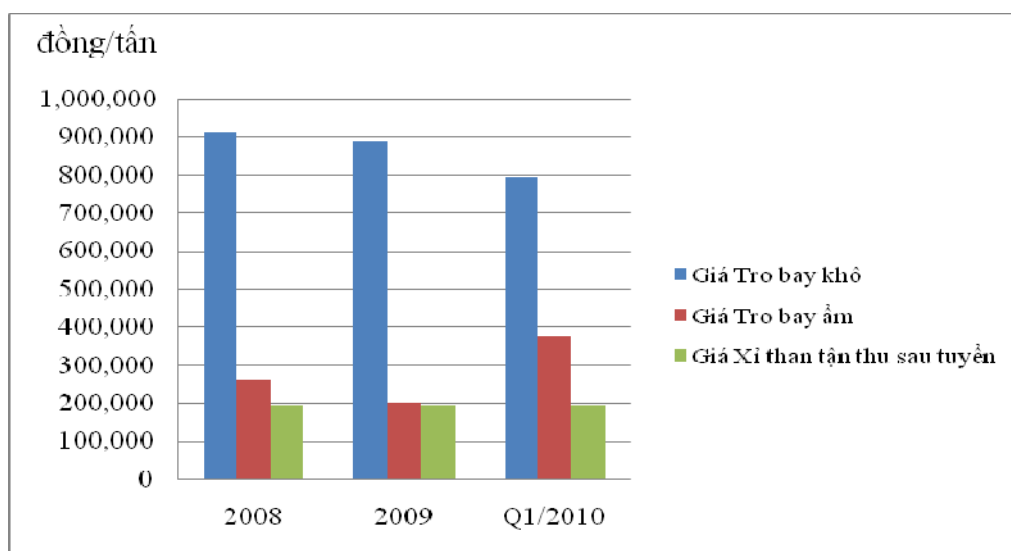


Nhà máy khai thác xỉ than của Công ty

Bảng 4: Giá bán trung bình của các sản phẩm năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010

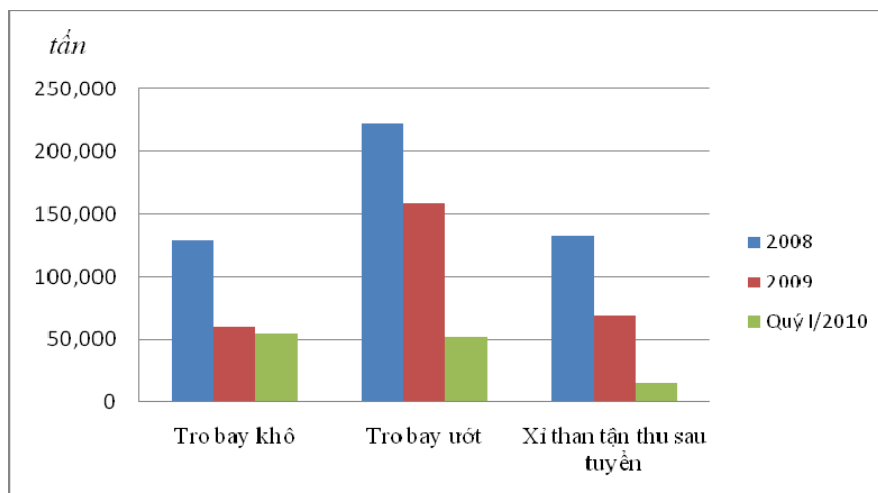
<i>Cơ cấu sản phẩm</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Q1 năm 2010</i>
	<i>Đồng/tấn</i>	<i>Đồng/tấn</i>	<i>Đồng/tấn</i>
Tro bay khô	909.868	887.160	792.799
Tro bay ẩm	260.000	200.973	375.439
Xi than tận thu sau tuyển	194.558	190.476	190.476

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường


Hình 3: Biểu đồ giá thành sản phẩm qua các năm
Bảng 5: Cơ cấu sản phẩm năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010

<i>Cơ cấu sản phẩm</i>	<i>Năm 2008</i>		<i>Năm 2009</i>		<i>Q1 năm 2010</i>	
	<i>Sản lượng (tấn)</i>	<i>%</i>	<i>Sản lượng (tấn)</i>	<i>%</i>	<i>Sản lượng (tấn)</i>	<i>%</i>
Tro bay khô	128.779,93	26,62	59.648,36	20,78	54.505,11	44,57
Tro bay ẩm	221.926,51	45,88	158.300,47	55,13	51.848,18	42,39
Xi than tận thu sau tuyển	132.978,12	27,50	69.172,25	24,09	15.948,51	13,04
Tổng cộng	483.684,56	100	287.121,08	100	122.301,80	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường



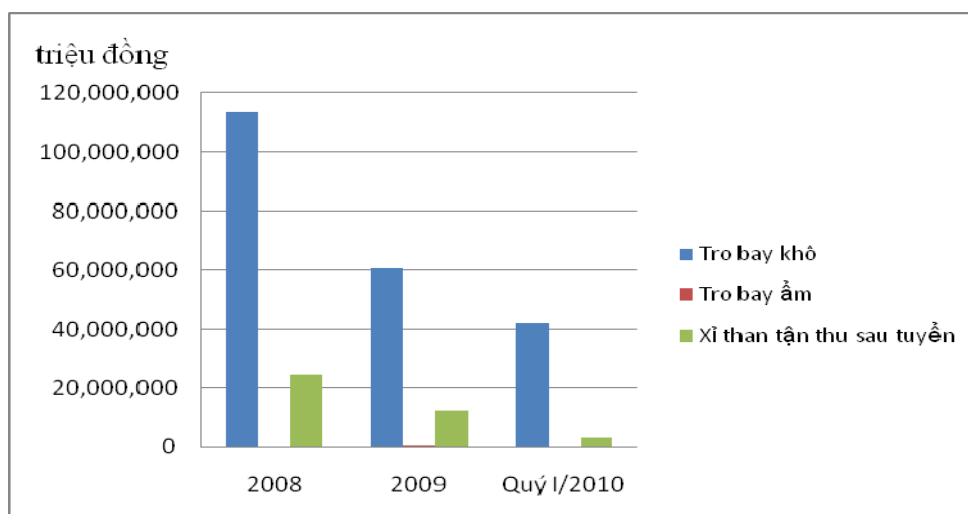
Hình 4: Biểu đồ sản lượng qua các năm

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu và cung cấp dịch vụ năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010

Đơn vị: 1000 đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2008		Năm 2009		Q1 năm 2010	
	Doanh thu	%	Doanh thu	%	Doanh thu	%
Tro bay khô	113.911.179	82,3	60.582.940	82,8	42.078.946	93,24
Tro bay ẩm	144.744	0,1	434.262	0,5	120.422	0,27
Xi than tận thu sau tuyển	24.351.457	17,6	12.219.920	16,7	2.929.250	6,49
Tổng cộng	138.407.380	100	73.237.122	100	45.128.618	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường



Hình 5: Biểu đồ cơ cấu doanh thu

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010
Đơn vị: 1000 đồng

Cơ cấu Lợi nhuận gộp	Năm 2008		Năm 2009		Q1 năm 2010	
	LN gộp	%	LN gộp	%	LN gộp	%
Tro bay khô	66.798.582	84,2	32.653.167	83,92	24.214.882	92,28
Tro bay ẩm	85.437	0,1	206.938	0,53	92.568	0,35
Xỉ than tận thu sau tuyển	12.449.736	15,7	6.051.826	15,55	1.933.789	7,37
Tổng cộng	79.333.755	100	38.819.161	100	26.241.099	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

6.2. Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất tro bay là nguồn xỉ than thải ra của nhà máy Nhiệt Điện Phả Lại.

Ngoài ra nguyên vật liệu phụ còn có Thuốc tuyển nổi BK 201, Thuốc tuyển dầu thông, dầu Diezen, vỏ bao được cung cấp từ các đối tác trong nước.

- Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu

Trung bình, hiện mỗi ngày Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 (Hải Dương) thải ra 3.000 tấn tro xỉ, trong đó 30% là than chưa cháy hết, còn lại là tro bay rất mịn. Do hàm lượng than dư này không cao, nên khó tận thu làm nhiên liệu đốt, mà thường được thải thẳng ra hồ chứa. Cùng với lượng tro xỉ tương đương của Nhiệt điện Phả Lại 1, mỗi ngày hai nhà máy này đang xả lượng chất thải khổng lồ vào môi trường, lấp đầy hai hồ chứa sâu mấy chục mét. Trước khi có dự án của Sông Đà Cao Cường, nguồn nguyên liệu thải này gây ô nhiễm môi trường và gần như vô giá trị.

Để tận thu tro xỉ nhiệt điện và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, các nước trên thế giới đã phát triển công nghệ tận thu tro bay từ lâu, tuy nhiên, việc ứng dụng vào Việt Nam rất đắt đỏ. Một số chuyên gia trong nước cũng đã thử nghiệm công nghệ biến tro xỉ thành tro bay, nhưng thành công không đáng kể, thậm chí có dự án ở Phả Lại đã phá sản vì hiệu quả thấp. Tuy nhiên, xuất phát từ một dự án khoa học cấp bộ tâm huyết của một nhà khoa học lâu năm trong nghề, Tiến sĩ Nguyễn Hồng Quyền (một thành viên trong hội đồng quản trị của Công ty), Sông Đà Cao Cường đã thành công trong việc biến nguồn nguyên liệu tưởng chừng như vô giá trị thành một nguồn lợi kinh tế to lớn.

Công ty đã ký “Biên bản thoả thuận nguyên tắc” với Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, một số điều khoản trong Biên bản này như sau:

- **Giá bán:** Tính theo giá thị trường thời điểm ký hợp đồng mua bán hàng năm (đơn giá không bao gồm chi phí sản xuất, chi phí an ninh, chi phí môi trường, các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác).
- **Sản lượng khai thác:** Công ty CP nhiệt điện Phả Lại bán khoán gọn cho Công ty CP Sông Đà Cao Cường toàn bộ khối lượng tro xỉ thải ra hàng năm vào Hồ xỉ thải Bắc Bình Giang.

Hàng năm nhà máy nhiệt điện Phả Lại thải ra khoảng 1,3 triệu tấn xỉ, trong khi đó nếu sử dụng tối đa công suất mới khai thác hết khoảng 769.000 tấn/năm. Do vậy nguồn nguyên vật liệu chính của công ty là khá dồi dào.

Các nguyên vật liệu khác đầu vào hoàn toàn được cung cấp từ trong nước không phải nhập khẩu, giá thành tương đối ổn định (ngoại trừ nguyên vật liệu là dầu DIEZEN), và nguồn cung khá dồi dào.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Các nguyên vật liệu đầu vào của công ty có giá thành khá ổn định, ngoại trừ nguyên vật liệu là dầu diezen là có biến động giá lớn. Tuy nhiên tỷ lệ của nguyên vật liệu này trong cấu thành nguyên vật liệu đầu vào không đáng kể. Dưới đây là bảng giá dầu diezen trong các năm qua:

Nguyên vật liệu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Q1 năm 2010
Dầu Diezen	10.130	11.950	13.050	14.250

Nguồn: Công ty CP Sông Đà Cao Cường

- Cấu thành giá nguyên vật liệu chính của sản phẩm Tro bay ẩm tại thời điểm 31/03/2010:
 - Xỉ nguyên khai: 18,91%
 - Thuốc tuyển nổi BK201: 39,93%
 - Thuốc tuyển dầu thông: 21,13%
 - Bột xa lửng: 0,99%
 - Dầu Diezen: 19,04%
 - Tổng cộng: 100,00%**

- Cấu thành giá nguyên vật liệu chính của sản phẩm Tro bay khô tại thời điểm 31/03/2010:
 - Tro bay ẩm: 51,25%
 - Vỏ bao: 48,75%
 - Tổng cộng: 100,00%**

6.3. Chi phí

Bảng 8: Cơ cấu chi phí 2008, 2009 và quý 1 năm 2010

Đơn vị: 1000 đồng

Chi phí	Năm 2008		Năm 2009			Q1 năm 2010	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Tăng/giảm so với 2008	Giá trị	% DT
Giá vốn hàng bán	59.073.626	42,7%	33.419.053	45,6%	- 43,4%	18.887.519	41,9%
Chi phí bán hàng	39.587.709	28,6%	20.897.643	28,5%	- 47,2%	11.310.742	25,1%
Chi phí quản lý DN	3.785.307	2,7%	2.521.267	3,4%	- 33,4%	1.440.300	3,2%
Chi phí tài chính	24.657	0%	211.637	0,3%	748,0%	41.979	0,1%
Chi phí khác	-	0%	-	0,0%	0,0%	566.667	1,3%
Tổng chi phí	102.471.299	74,0%	57.049.600	77,8%		32.247.207	71,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo quý 1 năm 2010 do Công ty cung cấp

6.4. Trình độ công nghệ

6.4.1. Giới thiệu về hệ thống dây chuyền, máy móc, thiết bị công nghệ sấy ướt

a. Mô tả công nghệ

Xưởng tuyển nổi được đặt ngay cạnh hồ chứa tro xỉ. Nguyên liệu được bơm cùng với nước lên sàng rung. Tại đây phần hạt thô được loại ra rơi vào bãi chứa thải và định kỳ vận chuyển đi. Phần hạt mịn được rơi vào bể chứa điều hoà có đường kính Ø 5000mm cao 2000mm đặt tại mặt cốt 0. Trong bể điều hoà nguyên liệu được khuấy nhẹ. Nước trong được tràn ra ở phía trên mức tràn được điều tiết sao cho tỷ

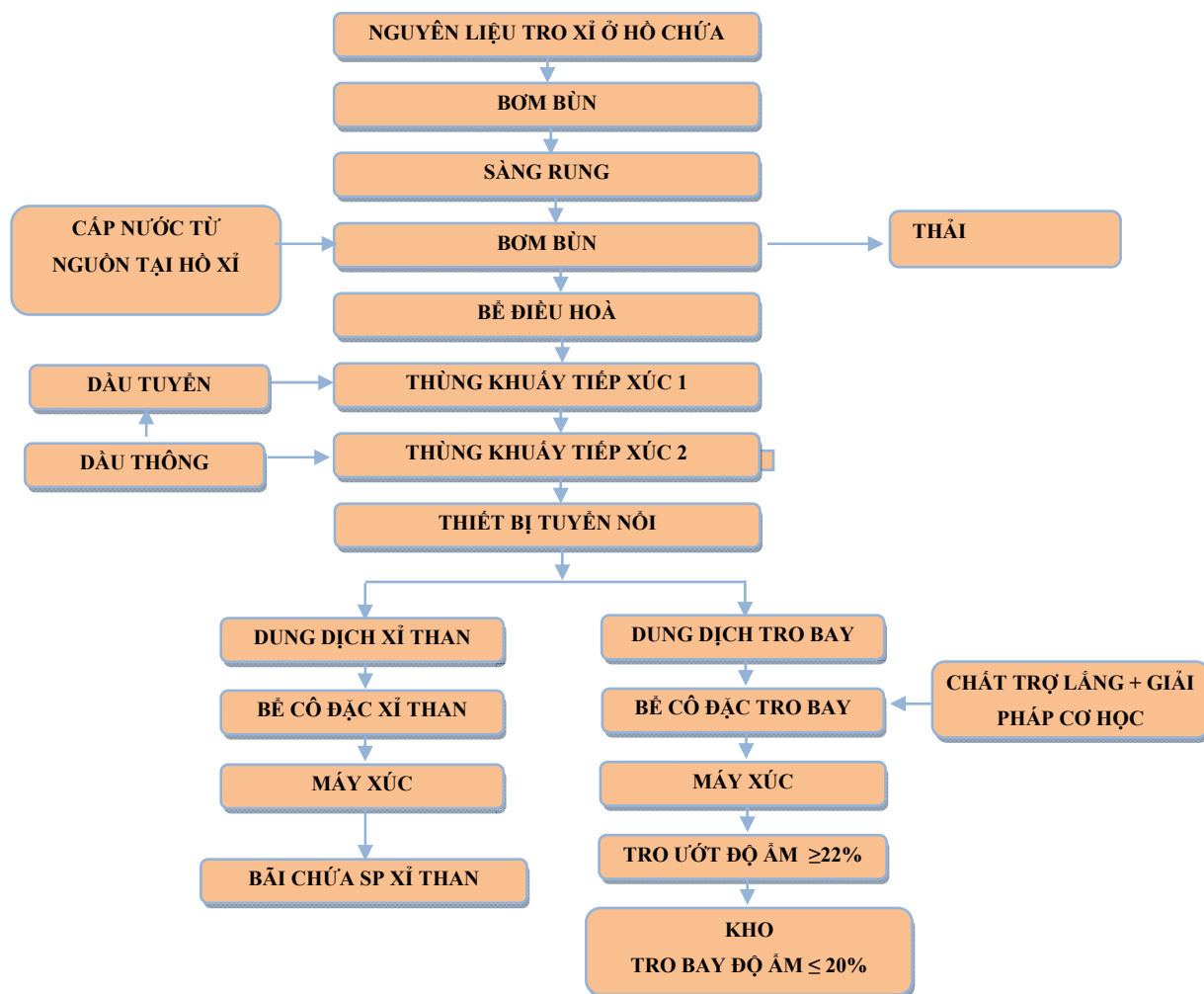
lệ rắn/lỏng là 1/3. Tỷ lệ rắn lỏng được kiểm tra bằng phương pháp đo tỷ trọng của dung dịch huyền phù.

Dung dịch huyền phù này được bơm lên thùng khuấy tiếp xúc $\varnothing 1500 \times 1500\text{mm}$ với sự tham gia của chất thuốc tuyển nổi với hàm lượng 2 lít/tấn nguyên liệu. Sau khi được khuấy tiếp xúc với chất thuốc tuyển nổi với dung dịch tro xỉ được đưa vào hệ thống tuyển nổi gồm tại tro xỉ thải được tách ra: Tro độ mất khi nung còn $\leq 6\%$ và SP phụ là xỉ than qua tuyển.

Chất thuốc tuyển này được khống chế một cách nghiêm ngặt cùng với việc ổn định tỷ trọng của dung dịch bằng một hệ thống điều khiển trọng tâm sẽ đảm bảo năng suất hoạt động của hệ thống tuyển nổi và làm hạn chế lượng dư thừa của thuốc tuyển.

- Phần nổi là than được gạt xuống máng dẫn đưa về bể cô đặc với sự tham gia của hệ thống cấp nước
- Phần chìm là dung dịch tro bay được dẫn về bể cô đặc tro bay.
- Nước thoát ra từ các bể cô đặc được dẫn về bể chứa nước tái sử dụng. Còn các sản phẩm tro bay và than sau khi qua bể cô đặc với sự trợ giúp của chất trợ lắng và cơ học được xúc lên 2 bãi chứa. Quá trình rót nước và phơi tự nhiên sẽ đưa độ ẩm xuống $\leq 20\%$. Sản phẩm chính tro bay có độ ẩm $\leq 20\%$ sẽ được chuyển vào kho có mái che. Sản phẩm phụ là xỉ than được đổ thành đống.

b. Sơ đồ công nghệ:



Hình 6: Sơ đồ công nghệ sấy ướt

6.4.2. Công nghệ sấy và thu sản phẩm

a. Mô tả công nghệ

a.1. Công nghệ sấy trực tiếp

Tro bay có độ ẩm $< 20\%$ được đưa vào Bunke cấp liệu bằng máy xúc lật. Phía dưới Bunke cấp liệu là băng tải cấp liệu định lượng. Liệu được vận chuyển tiếp lên lò sấy bằng băng tải. Quá trình sấy được thực hiện trong lò sấy quay đốt trực tiếp hoặc gián tiếp bằng than. Tốc độ quay của lò, quạt thổi và của băng tải cấp liệu sẽ được điều khiển bằng biến tần tùy theo độ ẩm của nguyên liệu đầu vào.

Hạt tro bay rất mịn và phân bố trong cả vùng $- 45\mu\text{m}$, ở buồng thu sản phẩm sau sấy không quá 30%. Số còn lại bay theo khí lò chỉ có thể tận thu được bằng 2 cấp lọc bụi với 2 công nghệ khác nhau:

- *Lọc bụi Cyclon nhóm 2 Ø 800*: Sản phẩm có kích thước hạt trong vùng $20 \div 45 \mu\text{m}$ được thu bằng Cyclon nhóm 2 Ø 800 mm cho mỗi lò sấy có đường kính 1500 mm dài 12000 mm.

- *Hệ thống lọc bụi túi vải $Q \geq 5.000m^3/h$* : Hệ thống lọc bụi túi vải được sử dụng để lọc bụi tro bay ở cấp hạt nhỏ cấp 3 theo nguyên tắc lọc bụi túi và lọc hút bụi tự động bằng khí nén cho mục đích thu sản phẩm cấp hạt mịn đồng thời với việc làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Khi dòng khí chứa bụi (tro bay) chuyển động qua lớp vải xấp có khả năng làm lắng các hạt tro bay. Dòng khí này được tạo ra khi quạt hút làm việc dẫn khí chứa bụi còn lại từ hệ thống xử lý bụi bằng Cylon nhóm 2.

Theo mức độ lắng của các hạt tro bay trên vải và sự điền đầy chúng ở những lỗ rỗng, chiều dày lớp bụi tro bay tăng lên đồng thời làm tăng trở lực qua lớp vải lọc, giảm khả năng cho bụi đi qua. Để loại trừ hiện tượng trên túi lọc được tái sinh thông qua việc xả khí nén để rũ bụi.

Để tái sinh túi lọc không khí nén từ hệ thống ống phun qua ống khuếch tán hình yên ngựa tạo áp suất bên trong túi lọc cao làm túi biến dạng dẫn đến lớp bụi bám ngoài túi bị phá vỡ, bụi rơi xuống van xả và được đưa về xilô đóng bao bằng vít tải và gầu nâng trong môi trường kín.

Quá trình rũ bụi được điều khiển bằng nút bấm là LOGO có chương trình đặt sẵn và không thay đổi

*** Các thiết bị chính trong dây chuyền:**

- *Máy nén khí cung cấp khí rũ bụi*
- *Bình tích áp*
- *Van điều khiển đóng mở các đường dẫn khí rũ bụi*
- *Đường ống hút khí vào quạt*
- *Quạt hút*
- *Hệ thống ống khí thải sạch*
- *Hệ thống giá đỡ ống khí*

a.2. Công nghệ sấy gián tiếp

Tro bay có độ ẩm $\leq 20\%$ được đưa vào Bunke cấp liệu bằng máy xúc lật. Phía dưới Bunke cấp liệu là băng tải cấp liệu định lượng. Liệu được vận chuyển tiếp lên lò sấy bằng băng tải. Quá trình sấy được thực hiện trong lò sấy quay đốt gián tiếp bằng than. Tốc độ quay của lò, quạt thổi và của băng tải cấp liệu sẽ được điều khiển bằng biến tần tùy theo độ ẩm của nguyên liệu đầu vào.

Hạt tro bay được sấy khô còn độ ẩm khoảng $< 3\%$ ra khỏi lò qua hệ thống vít tải đổ trực tiếp vào gầu tải để đưa lên xi lô chứa liệu và đóng bao.

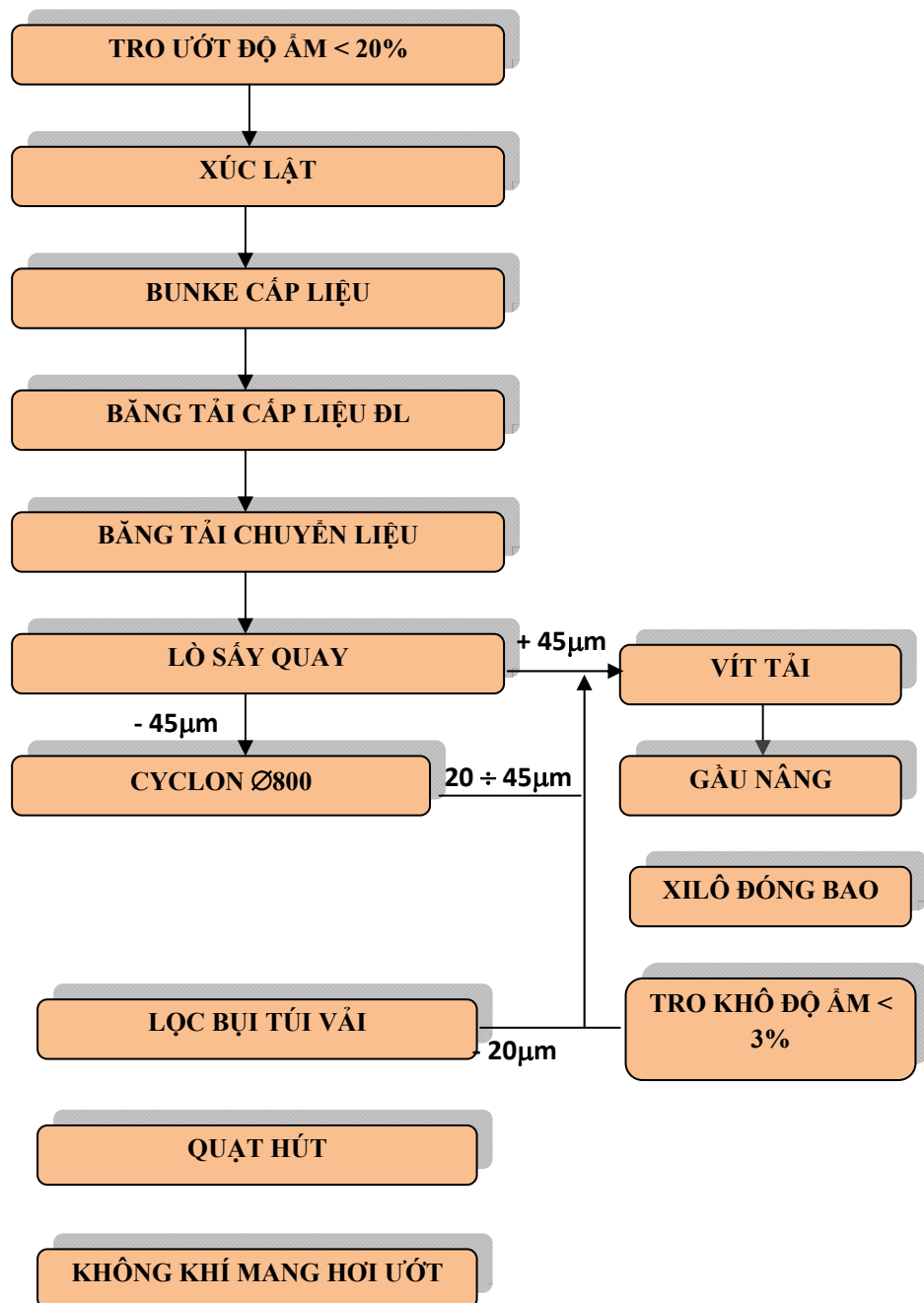
Sản phẩm tro bay khô được đóng bao loại 1000 kg/bao được nhập kho chứa và xếp lên phương tiện vận chuyển bằng hệ thống cầu trục có sức nâng 2 tấn.

Để tái sinh túi lọc không khí nén từ hệ thống ống phun qua ống khuyếch tán hình yên ngựa tạo áp suất bên trong túi lọc cao làm túi biến dạng dẫn đến lớp bụi bám ngoài túi bị phá vỡ, bụi rơi xuống van xả và được đưa về xilô đóng bao bằng vít tải và gầu nâng trong môi trường kín.

Quá trình rũ bụi được điều khiển bằng nút bấm là LOGO có chương trình đặt sẵn và không thay đổi

*** Các thiết bị chính trong dây chuyền:**

- *Máy nén khí cung cấp khí rũ bụi*
- *Bình tích áp*
- *Van điều khiển đóng mở các đường dẫn khí rũ bụi*
- *Đường ống hút khí vào quạt*
- *Quạt hút*
- *Hệ thống ống khí thải sạch*
- *Hệ thống giá đỡ ống khí*



Hình 7: Sơ đồ công nghệ sấy khô tro bay

Trong tương lai Công ty tiếp tục mở rộng sản xuất quy mô lớn, sản xuất và chế biến nhiều sản phẩm từ xỉ, từ tro bay, hiện Công ty đang triển khai dự án gạch nhẹ chung áp AAC để sản xuất vật liệu nhẹ thay thế cho gạch nung truyền thống, dự án này cũng sử dụng nhiều tro bay làm nguyên liệu, tro bay chỉ có từ xỉ của nhà máy nhiệt điện nên trong tương lai vị thế, sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường ngày càng lớn mạnh và bền vững.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển

Công ty đã kết hợp với đội ngũ cán bộ khoa học của Viện Khoa học vật liệu trong công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng. Việc kết hợp này vừa đem lại lợi ích cho Công ty trong việc tiết kiệm chi phí nghiên cứu phát triển sản phẩm, vừa đem lại hiệu quả và ứng dụng cao trong công tác nghiên cứu của các nhà khoa học.

Hiện nay, các sản phẩm chính của Công ty đều là kết quả từ sự hợp tác chặt chẽ giữa Công ty với viện khoa học vật liệu. Đây đồng thời cũng là kết quả từ việc mạnh dạn áp dụng các công nghệ khoa học tiên tiến của ban lãnh đạo Công ty. Sản phẩm chính tro bay của công ty là kết quả của dự án khoa học cấp bộ được nghiên cứu, triển khai bởi Tiến sĩ Nguyễn Hồng Quyền và tham gia trực tiếp của một số thành viên ban lãnh đạo của công ty. Kiến thức kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý của ban lãnh đạo Công ty cùng sự tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trong ngành vật liệu xây dựng chính là nền tảng cho sự thành công hiện tại và triển vọng tương lai của Công ty.

Sau sản phẩm tro bay, hiện tại Công ty đang kết hợp cùng Viện Khoa học vật liệu nghiên cứu sản xuất sản phẩm gạch nhẹ chưng áp AAC. Dự án nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC đã được cấp phép đầu tư và đang xúc tiến triển khai. Đây là loại gạch bê tông nhẹ với ưu điểm hàng đầu là trọng lượng nhẹ, dễ gia công chế biến thành các loại gạch nội thất cao cấp và giá tính trên tổng khối lượng xây dựng mang tính kinh tế cao so với loại gạch nung thông thường. Một ưu điểm nổi bật nữa khiến loại gạch này trở thành loại gạch chủ yếu được sử dụng trong xây dựng ở các nước tiên tiến chính là việc hạn chế ô nhiễm môi trường so với gạch nung thông thường. Dự án này ngoài lợi ích kinh tế lớn còn mang lại lợi ích đáng kể về mặt môi trường, chính vì vậy, đây là dự án nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Ngoài ra, trên nước ta hiện chưa có nhà máy nào sản xuất gạch bê tông nhẹ theo phương pháp chưng áp, vì vậy có thể nói, đây là một lợi thế về công nghệ cực kỳ lớn của Sông Đà Cao Cường.

Có thể thấy, việc mạnh dạn đầu tư, áp dụng các công nghệ mới trong sản xuất đã, đang và sẽ tiếp tục mang lại những lợi thế cạnh tranh to lớn cho Công ty trong quá trình hoạt động của mình.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Sản phẩm tro bay của công ty hiện nay đã được cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm theo ASTM C618-00 do Viện Vật liệu xây dựng cấp.

Bằng công nghệ và quy trình sản xuất được thực hiện chặt chẽ với các phương tiện dụng cụ cân đo phân tích để kiểm nghiệm chỉ tiêu quan trọng trong quá trình đánh

giá ban đầu từ nguyên vật liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng xuất kho đó là chỉ tiêu Mất khi nung, độ ẩm và độ mịn của sản phẩm tro bay.

Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng nhà thầu phụ với Trung tâm kiểm định Vật liệu xây dựng - Viện Vật liệu xây dựng - là phòng thử nghiệm đã được hợp chuẩn quốc gia mang số hiệu VILAS 003 để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm tro bay đáp ứng tiêu chuẩn ASTM - C 618.

6.7. Hoạt động marketing

Hiện nay công ty thực hiện bán hàng trực tiếp cho các dự án lớn như dự án Thủy điện Sơn La, dự án Thủy điện Bản Chát. Riêng đối với công trình Thủy điện Sơn La công ty thiết lập một đầu bán hàng ngay tại Sơn La để đáp ứng nhu cầu ở đây

Sản phẩm tro bay là sản phẩm mới trên thị trường vật liệu xây dựng, và hiện nay Công ty là đơn vị cung cấp với sản lượng lớn nhất. Chiến lược hiện nay của công ty là kết hợp với các viện chuyên ngành và các nhà khoa học để quảng bá tính năng vượt trội của sản phẩm này

Hiện tại công ty đã xây dựng trang web riêng để quảng bá hình ảnh của công ty cũng như sản phẩm của mình. Do sản phẩm của công ty là sản phẩm đặc thù, sử dụng chủ yếu cho các công trình thủy điện và thủy lợi. Ban lãnh đạo công ty đã vạch ra các hướng phát triển mở rộng thị trường bằng cách thâm nhập, tiếp xúc với các công trình thủy điện miền trung như Thủy điện Đắc Rinh, Đập Nước Trong, Thủy điện Xekaman, thủy điện Sông Tranh...đưa sản phẩm Tro bay tới các công trình này để đồ thí nghiệm về cơ bản đã đạt yêu cầu.

Sự năng động trong việc triển khai các hoạt động marketing của Công ty đã giúp Sông Đà Cao Cường liên tục giành được các hợp đồng lớn, đảm bảo nguồn thu thập cho Công ty và giúp Công ty chỉ sau hai năm hoạt động và phát triển chiếm lĩnh tới 80% thị phần cung cấp tro bay tại Việt Nam. Trong thời gian sắp tới, với việc triển khai đưa vào hoạt động nhà máy gạch nhẹ, Công ty đang gấp rút xúc tiến các hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm với các Tổng công ty xây dựng lớn trong cả nước. Đây sẽ là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự thành công của dự án này và tạo đà cho các thành công trong tương lai của Công ty.

6.8. Nhãn hiệu thương mại của Công ty

- Logo của công ty:



Do công ty mới tiến hành việc đổi tên và thay đổi Logo, chính vì vậy, Công ty chưa kịp đăng ký bản quyền cho Logo mới này. Tuy nhiên, việc đăng ký bản quyền Logo đã được ban lãnh đạo chú ý và sẽ thực hiện trong thời gian sớm nhất.

- Phát minh sáng chế:

TT	Tên phát minh, sáng chế, bản quyền	Số đăng ký/ngày	Cơ quan cấp
1	Nghiên cứu dây chuyền chế biến tro bay suất 25.000 tấn/tháng	869/2009/QTG	Cục bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

a. Hợp đồng cung cấp tro bay cho nhà máy thủy điện Sơn La

Vài nét về công trình thủy điện Sơn La: Nhà máy thủy điện Sơn La là công trình trọng điểm quốc gia, do Quốc hội giám sát. Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt đầu tư tại văn bản số 92/QĐ-TTg ngày 15/01/2004. Nhiệm vụ chủ yếu của công trình là:

- Cung cấp nguồn điện năng để phát triển kinh tế - xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.
- Góp phần chống lũ về mùa mưa và cung cấp nước về mùa kiệt cho đồng bằng Bắc Bộ.
- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

Công suất lắp máy dự kiến của nhà máy là 2.400MW (sẽ được đầu nối vào hệ thống điện quốc gia bằng bốn đường dây 500kV Sơn La – Hòa Bình, Sơn La – Nho Quan, Sơn La - Việt Trì và Sơn La – Sóc Sơn. Trạm 500kV Sơn La dự kiến đặt tại khu vực Pi Toong, cách nhà máy này khoảng từ ba đến bốn km).

Công trình đã được khởi công và chặn dòng ngày 2/12/2005 và dự kiến sẽ phát tổ máy đầu tiên năm 2015.

Hợp đồng cung cấp tro bay:

Tiêu chí	Nội dung	Chú ý
Bên mua	Ban QLDA nhà máy thủy điện Sơn La	
Nội dung hợp đồng	Cung cấp tro bay khô	
Thời gian thực hiện	2007 – khi kết thúc dự án	
Tổng giá trị	Không xác định	Tùy theo khối lượng thực tế phát sinh
Giá trị đã thực hiện	Năm 2008: 113,9 tỷ Năm 2009: 43,7 tỷ	Dự án vẫn còn đang được triển khai và tạo ra doanh thu cho Sông Đà Cao Cường.



Công trình thủy điện Sơn La

b. Hợp đồng cung cấp tro bay cho nhà máy thủy điện Bản Chát

Vài nét về công trình thủy điện Bản Chát:

Công trình thủy điện Bản Chát là công trình đợt đầu của bậc thang thủy điện trên sông Nậm Mu thuộc hệ thống sông Đà.

Công trình thủy điện Bản Chát thuộc địa phận xã Mường Kim, huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. Theo số liệu giai đoạn TKKT, sau khi hoàn thành công trình thủy điện Bản Chát sẽ cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia một sản lượng điện lớn khoảng 1158,1 x 106 kWh (trong đó phần điện lượng tăng

thêm cho công trình Sơn La và Hoà Bình khoảng 388,4 x 106 kWh). Thời gian thi công dự kiến là 25 tháng (từ 01/12/2008 đến 01/01/2011), Ngoài ra với dung tích hữu ích của hồ chứa Vhi= 1,702 tỷ m³, hồ chứa thủy điện Bản Chát đóng vai trò quan trọng trong việc cấp nước cho hạ lưu sông Hồng trong tương lai, tăng thêm lưu lượng mùa kiệt và hỗ trợ cắt một phần đỉnh lũ cho các công trình ở hạ lưu.

- **Hợp đồng cung cấp tro bay:**

Tiêu chí	Nội dung	Chú ý
Bên mua	Công ty Licogi 16.6	
Nội dung hợp đồng	Cung cấp tro bay khô	
Thời gian thực hiện	2008 – 2011	
Tổng giá trị	Ước tính 103,731 tỷ	
Giá trị đã thực hiện	Năm 2009: 7,8 tỷ	Dự án vẫn còn đang được triển khai và tạo ra doanh thu cho Sông Đà Cao Cường.



Công trình thủy điện Bản Chát

c. Hợp đồng cung cấp tro bay cho nhà máy thủy điện Sông Tranh 2
- Vài nét về công trình thủy điện Sông Tranh 2

Công trình thủy điện Sông Tranh 2 được xây dựng trên sông Tranh thuộc bậc thang hệ thống sông Vũ Gia - Thu Bồn. Công trình hoàn thành sẽ tham gia việc cắt giảm lũ và bổ xung nguồn trữ nước cho hạ lưu sông Thu Bồn. Nhà máy điện được thiết kế với công suất 180 MW, cung cấp điện lượng hàng năm là 679,6 triệu KWH. Dù gặp nhiều khó khăn khi thi công nhưng với quyết tâm cao, các nhà thầu trong tổ hợp công trình mốc phát điện tổ máy số 1 vào quý 4 năm 2010 và khánh thành vào tháng 6/2011.

- Hợp đồng cung cấp tro bay

Tiêu chí	Nội dung	Chú ý
Bên mua	Tổng Công ty Xây dựng thủy lợi 4 – CN miền Trung	
Nội dung hợp đồng	Cung cấp tro bay khô	
Thời gian thực hiện	2009 – 2009	
Tổng giá trị	8,0 tỷ trước thuế	
Giá trị đã thực hiện	Năm 2009: 8,9 tỷ	Hợp đồng đã hoàn thành



Công trình thủy điện Sông Tranh 2

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm gần nhất**

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010

Đơn vị: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009		Q1 năm 2010
		Giá trị (nghìn đồng)	Tăng/giảm so với 2008	
Tổng giá trị tài sản	95.574.283	114.045.059	19,3%	160.373.148
Doanh thu thuần	138.407.381	73.238.213	- 47,1%	45.128.618
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.369.765	16.247.480	- 55,3%	13.561.181
Lợi nhuận/(chi phí) khác	37.591	10.000	- 73,4%	(150.167)
Lợi nhuận trước thuế	36.407.356	16.257.480	- 55,3%	13.411.015
Lợi nhuận sau thuế	36.407.356	16.257.480	- 55,3%	13.411.015
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	48,3%	73,8%	N/A	N/A

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính Quý 1 năm 2010

*** Nhận xét:**

Qua những thông tin trên, có thể thấy kết quả kinh doanh Q1 năm 2010 là rất khả quan. Doanh thu Quý 1 năm 2010 của Công ty bằng tới 61.62% doanh thu cả năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Quý I cũng bằng tới 82.49% lợi nhuận sau thuế của cả năm 2009. Những kết quả này là tín hiệu khả quan thể hiện khả năng đạt và vượt kế hoạch kinh doanh mà Công ty đề ra cho năm 2010. Những thành tựu này cũng nằm trong dự đoán bởi khó khăn mà Công ty gặp phải năm 2009 đã góp phần trở thành lợi thế của Công ty năm 2010. Năm 2009 được đánh giá là năm khó khăn của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực xây dựng. Đối với Sông Đà Cao Cường, việc hàng loạt dự án thủy điện bị hoãn thi công do thiếu tiền giải ngân đã khiến cho Công ty gặp khó khăn bởi các dự án này chính là nguồn thu chính của Công ty. Điều này lý giải vì sao doanh thu và lợi nhuận năm 2009 giảm mạnh so với năm 2008. Tuy vậy, chính việc chậm trễ trong thi công năm 2009 đã khiến chủ đầu tư của các dự án phải đẩy nhanh tiến độ năm 2010 để hoàn thành đúng thời gian dự kiến. Điều này đã khiến doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty quý 1 năm 2010 tăng mạnh.

Tuy vậy, qua những kết quả trên, cũng phải nhìn nhận một thực tế rằng tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào các dự án thủy điện. Điều này cũng dễ hiểu khi sản phẩm chính là tro bay của Công ty được sử dụng chủ yếu làm phụ gia cho bê tông đầm lăn, loại bê tông hiện ở Việt Nam mới chỉ ứng dụng trong các công trình thủy điện, cầu, và các công trình xây dựng cơ bản có quy mô cực lớn. Điều này cũng đã được lãnh đạo Công ty lưu ý khi đề ra chiến lược sản xuất kinh doanh trong tương lai khi sắp tới, Công ty sẽ đưa nhà máy gạch nhẹ trung áp AAC đi vào hoạt động. Đây sẽ là bước khởi đầu để Công ty đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng nguồn nguyên liệu sơ cấp là xỉ than phế thải của nhà máy nhiệt điện Phả Lại và thứ cấp là tro bay ẩm để trở thành một công ty đi đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, tập trung vào sản phẩm gạch các loại. Điều này là phù hợp với xu thế của thị trường khi các sản phẩm cuối cùng sẽ giúp Công ty tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm và chủ động được thị trường, ổn định hoạt động kinh doanh. Đây là bước đi hợp lý với một Công ty mới đi vào hoạt động được hơn 2 năm. Dự kiến sau 3 năm hoạt động, mỗi năm, nhà máy gạch nhẹ trung áp sẽ đem lại cho Công ty khoản doanh thu lên tới 150 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi:

- Công ty đã phối hợp và phát huy hiệu quả việc hợp tác với các nhà khoa học hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ vật liệu xây dựng để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và vận hành thành công dây chuyền công nghệ sản xuất tro bay.
- Công ty có vị trí địa lý thuận lợi là gần Nhà máy nhiệt điện Phả Lại (nhà máy nhiệt điện chạy bằng than lớn nhất cả nước), nơi cung cấp xỉ than phế thải là nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của công ty.
- Sản phẩm tro bay của công ty hiện nay đang được phục vụ cho các trình trọng điểm quốc gia đó là thủy điện Sơn La và Bản Chát, nên đầu ra ổn định, các khoản phải thu được thu hồi nhanh và ít rủi ro.
- Trong thời gian tới công ty còn đầu tư thêm dây chuyền sản xuất gạch nhẹ chung áp AAC, tận dụng nguồn nguyên liệu là tro bay do chính công ty sản xuất.

b. Khó khăn:

- Yếu tố khách quan:

Năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam cũng trải qua những thời điểm khó khăn. Sự tập trung của Chính phủ trong việc giải quyết hàng loạt các vấn đề trước mắt của đất nước và sự thiếu vốn trầm trọng của các ngân hàng cả thương mại và quốc doanh đã khiến các dự án lớn bị chậm tiến độ, trong đó có các dự án thủy điện. Hầu hết các hợp đồng lớn của Sông Đà Cao Cường đều là những hợp đồng cung cấp trọn gói toàn bộ dự án và thanh toán tiền theo khối lượng cung cấp. Hơn nữa, sản phẩm tro bay khô cũng là sản phẩm đòi hỏi cơ sở vật chất để bảo quản. Vì vậy, nguồn doanh thu của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào tiến độ của các dự án. Việc chậm trễ trong giải ngân và tiến độ của các dự án thủy điện Công ty đang cung cấp tro bay đã khiến cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm mạnh so với năm 2008. Tuy vậy, nhìn vào tổng thể, có thể thấy doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2009 cũng không quá thấp đối với một công ty có số vốn còn khiêm tốn và mới chỉ bắt đầu đi vào hoạt động từ cuối năm 2007.

Yếu tố chủ quan:

Do công ty mới thành lập vì vậy trình độ quản lý còn hạn chế. Các bộ phận trong bộ máy quản lý còn chưa ăn khớp, đồng bộ với nhau dẫn đến chi phí quản lý tăng cao. Điều này ảnh hưởng đáng kể đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của công ty.

7.3. Triển vọng kinh doanh năm 2010

Năm 2010 chứng kiến sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế thế giới. Việt Nam, vốn dĩ không bị ảnh hưởng nặng nề như các nước tư bản khác trong cuộc khủng hoảng vừa qua, đã có những sự phục hồi mạnh mẽ. Cùng với sự phục hồi nhanh chóng là sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô khi những tháng đầu năm 2010, chỉ số CPI và lãi suất ngân hàng đều tăng ở mức thấp và đang có xu hướng được giữ vững. Điều này khiến các nhà đầu tư đều tin tưởng vào triển vọng kinh doanh sáng sủa trong năm nay. Hàng loạt dự án của chính phủ, trong đó có các dự án thủy điện, năm 2009 bị chậm giải ngân đến năm nay được đẩy nhanh tiến độ để kịp với kế hoạch đặt ra. Đây chính là cơ sở vững chắc để ban lãnh đạo Sông Đà Cao Cường tin tưởng vào một năm kinh doanh thắng lợi đối với sản phẩm tro bay.

Đối với sản phẩm gạch nhẹ, hiện nhà máy gạch nhẹ của Công ty đang được triển khai xây dựng đúng tiến độ đề ra và đến quý 4 năm 2010 sẽ cho ra lò lô sản phẩm đầu tiên. Với những ưu điểm vượt trội của gạch nhẹ và nhu cầu hiện tại của thị trường, Công ty tin tưởng rằng ngay năm đầu tiên đi vào hoạt động, nhà máy gạch nhẹ sẽ đem về khoản doanh thu không dưới 10 tỷ đồng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Sản phẩm tro bay là sản phẩm mới trong ngành vật liệu xây dựng ở nước ta. Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường là công ty đi đầu trong việc triển khai và phát triển sản phẩm này. Hiện nay trong ngành sản xuất tro bay mới có 3 đơn vị tham gia sản xuất trong đó thị phần của công ty chiếm tới 80%.

Đối với sản phẩm gạch nhẹ, nếu nhà máy của Công ty đi vào hoạt động, đây sẽ là nhà máy đầu tiên sản xuất gạch nhẹ bằng phương pháp chung áp. Điều này tạo ra lợi thế cạnh tranh rất lớn cho công ty bởi gạch nhẹ được sản xuất sử dụng nguồn nguyên liệu chính là tro bay ẩm, là sản phẩm mà Công ty tự sản xuất tại chỗ.

Sự thành công của nhà máy gạch nhẹ sẽ là một bước tiến mới trong quá trình phát triển của công ty Sông Đà Cao Cường và nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường bởi định hướng chiến lược của Công ty là trở thành một Công ty đi đầu trong lĩnh vực nguyên vật liệu xây dựng với danh mục sản phẩm đa dạng và tập trung vào các sản phẩm cuối cùng, tức là các sản phẩm sẽ được phân phối đến tận tay người tiêu dùng chứ không phải các chất phụ gia như hiện nay. Khách hàng của Công ty cũng sẽ được đa dạng hóa. Bước đầu, Công ty sẽ tập trung vào các dự án lớn của chính phủ để ổn định doanh thu. Một khi nhu cầu và năng lực sản xuất đủ mạnh, Công ty sẽ mở rộng phát triển sang khối khách hàng tư nhân.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tro bay là một phụ gia quan trọng được sử dụng trong bê tông đầm lăn. Đây là loại bê tông trọng tải lớn, được sử dụng ở các công trình xây dựng cơ bản đòi hỏi thời gian sử dụng lâu dài. Bê tông đầm lăn chính là loại bê tông được sử dụng trong các công trình như cầu, cảng, thủy điện,... ở các nước phát triển trên thế giới. Tại Việt Nam, công nghệ này gần đây mới được ứng dụng trong các công trình thủy điện, mở đầu là thủy điện Sơn La. Chính vì vậy, tiềm năng của loại vật liệu này là rất lớn, kéo theo triển vọng thị trường cho sản phẩm tro bay.

Hiện nay, do tốc độ phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, nhu cầu về điện năng của xã hội ngày càng tăng mạnh. Năng lực sản xuất điện hiện tại của đất nước không đủ cung cấp cho nền kinh tế. Chính vì thế, một trong những ưu tiên hàng đầu của Tổng công ty điện lực Việt Nam và cơ quan quản lý các địa phương trong thời gian tới là tập trung chỉ đạo hoàn thiện và nghiên cứu xây mới các nhà máy thủy điện khắp Việt Nam. Việc gia tăng nhanh chóng của số lượng các nhà máy thủy điện khắp đất nước chính là nền tảng thị trường vững chắc cho sản phẩm tro bay của Sông Đà Cao Cường trong thời gian sắp tới.

Đối với sản phẩm vật liệu xây dựng, sự bùng nổ của các dự án bất động sản, đặc biệt là các dự án cao cấp sử dụng gạch nhẹ là sự đảm bảo về cầu cho các sản phẩm này một khi được tung ra thị trường. Trong những năm qua, giá vật liệu xây dựng không ngừng tăng cao tạo ra động lực cho các công ty tham gia thị trường này.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo quy hoạch của chính phủ tổng sản lượng các nhà máy thủy điện đến năm 2020 sẽ đạt 13.000 đến 15.000 MW. Để đạt được mục tiêu này, rất nhiều nhà máy thủy điện sẽ được khởi công trong thời gian từ nay đến năm 2020. Cùng với sự phát triển của các công trình thủy lợi là việc tăng nhu cầu của sản phẩm tro bay.

Trong thời gian tới, dự án gạch nhẹ chưng áp AAC của công ty sẽ ra sản phẩm. Đầu vào của sản phẩm này chính là sản phẩm tro bay hiện nay của công ty. Sản phẩm gạch nhẹ này là sản phẩm rất tiềm năng do các tính năng ưu việt như: độ nhẹ, cách âm, chống nóng...và việc sản xuất loại gạch này không gây ô nhiễm môi trường như các loại gạch nung hiện nay. Các nước trên thế giới đặc biệt là ở Trung Quốc sản phẩm gạch nhẹ (gạch không nung) được sử dụng rộng rãi. Trong khi đó ở nước ta hiện nay sản phẩm gạch nung chiếm tới 90%, sản phẩm gạch không nung chỉ chiếm 10%. Việt Nam cũng đang cố gắng đưa ra các chính sách khuyến khích sử dụng loại gạch không nung để thay thế dần gạch nung như hiện nay bằng các loại thuế về môi trường.

Ngày 28/04/2010, Thủ tướng ban hành Quyết định số 567/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020, trong đó có nêu rõ “tỷ lệ gạch AAC trên tổng số vật liệu xây không nung khoảng 16% vào năm 2015 và 20% vào năm 2020”, và “Từ năm 2011, các công trình nhà cao tầng (từ 9 tầng trở lên) sử dụng tối thiểu 30% vật liệu xây không nung loại nhẹ (khối lượng thể tích không lớn hơn 1000kg/m³) trong tổng số vật liệu xây; Khuyến khích các công trình xây dựng sử dụng vật liệu xây không nung khác có độ rỗng lớn hơn 30% và vật liệu xây không nung loại nhẹ”. Với định hướng trên của nhà nước đối với việc phát triển vật liệu xây không nung nói chung và gạch nhẹ AAC nói riêng, cho thấy rằng dự án nhà máy gạch AAC của công ty là rất tiềm năng. Đồng thời đến thời điểm hiện nay, dự án nhà máy gạch AAC của công ty là một trong những dự án nhà máy gạch đầu tiên theo công nghệ chưng áp, và có công suất lớn nhất.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty và cơ cấu lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến thời điểm 31/03/2010 là: 350 người. Trong đó:

Bảng 10: Thông tin về người lao động tại thời điểm 31/03/2010

STT	Thông tin cán bộ	Số lượng	Nguồn
A	Cán bộ khối văn phòng	68	
1	Tiến sĩ + thạc sĩ	02	Thành viên cộng tác nghiên cứu công nghệ
2	Kỹ sư, cử nhân	19	
3	Cao đẳng	10	
4	Trung cấp	14	
5	Phục vụ	23	
B	Công nhân, kỹ thuật	282	
1	Công nhân máy tuyến	39	
2	Công nhân máy sáy	145	
3	Công nhân vận hành máy	24	
4	Công nhân điện	4	
5	Công nhân cơ khí sửa chữa	15	
6	Công nhân kỹ thuật khác	10	
7	Lao động phổ thông	45	
	Tổng	350	

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Mức lương bình quân/tháng của cán bộ công nhân viên của Sông Đà Cao Cường năm 2009 là: 3.000.000 đồng/ người/tháng. Mức lương này hiện cao hơn khoảng 12% so với mức lương trung bình tại các doanh nghiệp trên cả nước (năm 2009 ở mức 2,7 triệu đồng/tháng)⁸. Ngoài ra cán bộ của công ty còn nhận được các chế độ phụ cấp khác như: ăn ca, độc hại,...
- Về trang vật dụng bảo hộ lao động, người lao động được trang bị gồm có:
 - Quần áo BHLĐ,
 - Mũ cứng
 - Khẩu trang thường, khẩu trang phòng độc
 - Giày vải, giày da bảo hộ
 - Găng tay, ủng, kính, áo mưa, xà phòng...
- Người lao động luôn được Công ty đảm bảo về đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động. Đồng thời với việc thành lập tổ chức Công đoàn, Công ty đã xây dựng và thực hiện quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, nên đã có tác động tốt đến người lao động, theo đó Công ty

⁸ Nguồn: Báo cáo của Bộ Lao động thương binh và Xã hội công bố ngày 24/12/2009.

phát động các phong trào thi đua, tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động làm chủ thiết bị kỹ thuật, tăng tính sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, gắn người lao động với sự phát triển bền vững của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tỷ lệ cổ tức năm 2008 là 32%, năm 2009 là: 20%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- *Trích khấu hao TSCĐ*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thời gian còn lại của TSCĐ và được ước tính như sau:

Tài sản	Năm
Nhà cửa kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	06-08 năm
Phương tiện vận tải	06-08 năm
Thiết bị văn phòng	03 năm

- *Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay cho Ngân hàng và các đối tác cung cấp nguyên vật liệu, ca máy, nhân công. Hiện nay, Công ty được ngân hàng và khách hàng đánh giá cao về khả năng thanh toán. Tính đến ngày 31/03/2010, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào với các ngân hàng hay các tổ chức khác.

- *Các khoản phải nộp theo luật định*

Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp theo qui định của pháp luật. Tính đến ngày 16/06/2010, Công ty đã thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ về thuế và các khoản phải nộp với nhà nước.

- *Tình hình trích lập các quỹ theo luật định*

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Bảng 11: Tình hình trích lập các quỹ theo luật định tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010

Đơn vị: 1000 đồng

	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Quỹ đầu tư phát triển	215.378	14.078.426	13.960.038
Quỹ dự phòng tài chính	119.238	1.757.569	1.757.569
Quỹ khen thưởng phúc lợi	99.238	2.580.481	2.354.557
Tổng cộng	433.854	18.416.476	18.072.164

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính Quý I năm 2010

Trong thời gian qua, Quỹ đầu tư phát triển đã được Công ty sử dụng như sau:

Năm 2008, Quỹ đầu tư phát triển của công ty giảm 49.500.000 đồng do khoản chi phí của đoàn cán bộ Công ty đi công tác khảo sát công nghệ về Vật liệu không nung tại Trung Quốc nhằm tiến tới xây dựng nhà máy gạch chưng áp AAC (dự án này khởi công ngày 06/06/2010).

Năm 2009, Quỹ đầu tư phát triển của công ty giảm 29.316.277 đồng do các chi phí sau:

- Chi hỗ trợ quỹ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam VIFOTEC là 10.000.000 đồng.
- Chi phí tham gia và nhận giải VIFOTEC là : 19.316.277 đồng.

Giải VIFOTEC là giải thưởng về Sáng tạo kỹ thuật Việt Nam mà Công ty CP Sông Đà 12 – Cao Cường (nay là Công ty CP Sông Đà Cao Cường) tham gia. Công ty đã đạt giải nhất của giải thưởng này.

Quý I năm 2010, Quỹ Đầu tư phát triển giảm 118.387.280 đồng. Đây là khoản chi phí cho đoàn cán bộ Công ty sang khảo sát chi tiết về Công nghệ gạch chưng áp tại Thượng Hải Trung Quốc lần thứ 2 nhằm xúc tiến ký kết hợp đồng công nghệ cho Dự án nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC.

- **Tổng dư nợ vay**

Công ty không có nợ quá hạn và không có dư nợ bảo lãnh. Tình hình dư nợ vay ngắn hạn của Công ty như sau:

Bảng 12: Tình hình nợ vay tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010
Đơn vị: 1000 đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>31/12/2008</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>31/03/2010</i>
Vay ngắn hạn	1.412.996	3.434.948	-
Vay dài hạn	-	-	-
Tổng	1.412.996	3.434.948	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính Quý 1 năm 2010
- Tình hình công nợ
Bảng 13: Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010
Đơn vị: 1000 đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>31/12/2008</i>		<i>31/12/2009</i>		<i>31/03/2010</i>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Nợ quá hạn</i>
Phải thu khách hàng	9.944.160	-	22.750.836	-	32.841.621	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-
Trả trước cho người bán	200.000	-	305.748	-	504,541	-
Phải thu khác	2.000	-	2.000	-	8.697.750	-
Tổng phải thu	10.146.160	-	23.058.584	-	42.043.912	-
Dự phòng	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính Quý 1 năm 2010
Bảng 14: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010
Đơn vị: 1000 đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>31/12/2008</i>		<i>31/12/2009</i>		<i>31/03/2010</i>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Nợ quá hạn</i>
Phải trả cho người bán	10.696.633	-	12.510.126	-	12.400.428	-
Người mua trả tiền trước	64.410	-	338.071	-	460.194	-
Phải trả người lao động	3.048.058	-	2.982.771	-	3.344.273	-
Thuế và các khoản phải nộp NN	-	-	53.897	-	1.302.743	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-

Các khoản phải trả						
phải nộp khác	-	-	50.315	-	210.874	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-
Tổng	13.809.101	-	15.935.180	-	17.718.514	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính Quý 1 năm 2010

- Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Bảng 15: Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010

Đơn vị: 1000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Hàng tồn kho	21.563.433	23.138.900	22.842.957
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
Tổng	21.563.433	23.138.900	22.842.957

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính Quý 1 năm 2010

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2008, 2009

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,25	2,43
TSLĐ / Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,83	1.23
(TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,16	0,17

+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,19	0,20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,43	1,50
Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,45	0,64
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	26,3%	22,2%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	45,4%	17,2%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	38,1%	14,2%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	26,3%	22,2%

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo quý 1 năm 2010 do Công ty cung cấp

* Chú thích: Sự tăng đột biến của các hệ số thanh toán là do trong quý 1 năm 2010, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn với số tiền thu về là 34,9 tỷ đồng. Số tiền này mới được giải ngân một phần đã khiến tài sản lưu động tăng. Điều này kết hợp với việc các khoản nợ ngắn hạn không tăng đã kéo theo hệ số thanh toán ngắn hạn tăng mạnh.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

12.1. Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT
3	Ông Hoàng Hữu Tâm	Thành viên HĐQT
4	Ông Đỗ Dũng	Thành viên HĐQT
5	Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT
7	Ông Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT

Thông tin về sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT:

1. Ông:	Kiều Văn Mát
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	25/08/1969
<i>Số CMTND:</i>	141403007 Cấp ngày: 10/05/2007 Tại Công an Hải Dương
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương
<i>Hộ khẩu thường trú</i>	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	0320.3580555
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sỹ Kinh tế. Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội Cử nhân kinh tế - Đại học kinh tế quốc dân
<i>Quá trình công tác:</i>	
- Từ 1993 đến 2003	Chủ nhiệm HTX công nghiệp Cao Cường
- Từ 01/2004 đến 04/2004	Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phả Lại.
- Từ 05/2004 đến 04/2007	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường.
- Từ 05/2007 đến 12/2007	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 12 Cao Cường

<i>- Từ 01/2008 đến nay</i>	Chủ tịch HĐQT , kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà Cao Cường.
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Chủ tịch HĐQT , kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà Cao Cường.
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	866.000 CP, trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 36.000 CP - Số cổ phần đại diện cho Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Cao Cường: 830.000 CP
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Anh Kiều Văn Phú sở hữu 13.300 cổ phần Anh Kiều Quang Vọng sở hữu 32.000 cổ phần Em Kiều Văn Cao sở hữu 133.600 cổ phần Vợ Vũ Thị Thanh Huyền: 53.300 cổ phần

2. Ông

Kiều Quang Vọng

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

22/01/1956

Số CMTND:

140073772 cấp ngày 23/4/2002 tại Công an Hải Dương

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Hộ khẩu thường trú

Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	0320.580.414 – ĐD: 0913.255.877
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Chuyên gia
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>- Trước tháng 4/2007</i>	Công tác tại Công ty Cp Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
<i>- Từ 4/2007 đến nay</i>	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Chủ tịch HĐQT – Kiêm Tổng giám đốc Công ty CP công nghiệp dịch vụ Cao Cường
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	532.000 CP, trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 32.000 CP - Số cổ phần đại diện cho Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ Cao Cường: 500.000 CP
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Em Kiều Văn Phú sở hữu 13.300 cổ phần Em Kiều Văn Mát sở hữu 36.000 cổ phần Em Kiều Văn Cao sở hữu 133.600 cổ phần

3. Ông:**Hoàng Hữu Tâm***Giới tính:*

Nam

Ngày tháng năm sinh:

23/11/1960

Số CMTND:

013017984 cấp ngày 1/12/2007 tại Công an Hà Nội

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Mỹ Xã – Ngoại Thành Nam Định – Tỉnh Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P712 - Cầu Thang 5 - CT 5 - KĐT Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	04.37855650
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
- Từ năm 1978 đến năm 1982	Bộ đội
- Từ năm 1982 đến năm 1998	Công nhân nhà máy cơ khí dệt I Nam Định
- Từ 1988 đến 5/ 2009	Cán bộ của Tổng Công ty Sông Đà
- Từ 5/2009 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 12 – Cao Cường
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Tổng Giám đốc Công ty CP Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	540.666 CP, trong đó: - Số cổ phần thuộc quyền sở hữu cá nhân: 66.666 CP - Số cổ phần đại diện cho Công ty Cp Bất động sản Tài chính dầu khí: 474.000 CP
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Không

4. Ông**Đỗ Dũng***Giới tính:*

Nam

Ngày tháng năm sinh:

30/11/1959

Số CMTND:

112368926 cấp ngày 20/10/2007 tại Công an Hà Tây

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Lý Nhân - Hà Nam

Hộ khẩu thường trú:

Số 12 – Ngõ 3 Phùng Hưng – Hà Đông – Hà Nội

*Địa chỉ thường trú**Số ĐT liên lạc ở cơ quan:*

04.35573677

Trình độ văn hóa:

10/10

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Xây dựng

*Quá trình công tác:**- Từ năm 1984 nay*

Công tác tại Tổng Công ty Sông Đà

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 12

Số cổ phần nắm giữ:

461.100 CP, trong đó

*- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 26.600 cổ phần**- Số cổ phần đại diện cho Công ty CP Sông Đà 12: 434.500 cổ phần**Hành vi vi phạm pháp luật:*

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Lương thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Những người có liên quan:

Không

5. Ông:**Vũ Đình Dũng***Giới tính:*

Nam

Ngày tháng năm sinh:

27/07/1958

Số CMTND:

012445571 cấp ngày 24/05/2001 tại Công an Hà Nội

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Quốc Tuấn – Nam Sách – Hải Dương

Địa chỉ thường trú:

P.303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

03203.880.213

Trình độ văn hóa:

10/10

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư kinh tế xây dựng

*Quá trình công tác:**- Từ năm 1980 đến năm 1996*

XN Lắp máy điện nước – Công ty Xây dựng 18

- Từ năm 1996 đến năm 2007

Công ty Lắp máy điện nước – Tổng Công ty Lắp máy XD và PT hạ tầng

- Từ năm 2007 đến nay

Công ty CP Sông Đà 12- Cao Cường – Đại diện cho phần vốn góp của Công ty LICOGI 16.6

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:

Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Sông Đà Cao Cường

*Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**Số cổ phần nắm giữ:*

29.600 CP

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Không

6. Ông:**Nguyễn Hồng Quyền**

<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	1/9/1950
<i>Số CMTND:</i>	011230993 cấp ngày 8/12/2005 tại Công an Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hoảng Xuyên – Hoảng Hóa – Thanh Hóa
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	586 Đường Bưởi – Vĩnh Phúc – Ba Đình – Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	04.37564586
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Tiến sỹ
<i>Quá trình công tác:</i>	
- Từ năm 1967 đến năm 1972	Đại học Tổng hợp CHDC Đức
- Từ năm 1972 đến năm 1977	Cán bộ khoa học Viện Vật lý
- Từ năm 1977 đến năm 1980	Nghiên cứu sinh tại Đức
- Từ năm 1980 đến nay	Cán bộ khoa học Viện Vật lý
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	400.000 CP

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
Những người có liên quan:	Con Nguyễn Hồng Hải sở hữu 40.000 cổ phần

7. Ông:**Vũ Công Hưng**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/12/1973
Số CMTND:	012235601 Cấp ngày 19/05/1999 Tại Công an TP. Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đồng Lạc - Chí Linh – Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Số 3 – ngách 178/5 Tây Sơn – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04.22250718
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng; C.E.O
Quá trình công tác:	
06/1995 - 08/1997	Kỹ sư xây dựng, chuyên viên, phó phòng thiết kế Công ty điện tử công nghệ(ETC) Hà Nội
09/1997 - 04/2001	Kỹ sư XD, chuyên viên phòng KT-KH Công ty lắp máy điện nước thuộc Tổng công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng HN.
05/2001 - 12/2003	Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty xây dựng số 16 thuộc Tổng công ty XD và PT Hạ tầng Hà Nội
01/2004 - 01/2006	Trưởng phòng KT-KH vật tư CÔNG ty XD số 16 thuộc Tổng công ty XD và PT Hạ

	tầng Hà Nội
02/2006 - 05/2006	Thành viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch – Thị trường Công ty Cổ phần LICOGI 16
06/2006 - 10/2006	Thành viên Hội đồng quản trị- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16
11/2006 - 04/2007	TVHĐQT Công ty CP LICCOGI 16 – Phó TGD LICOGI 16 - Giám đốc chi nhánh Hà Nội – LICOGI 16
05/2007 đến nay	TVHĐQT, Phó TGD Công ty CP LICOGI 16; TVHĐQT, Giám đốc Công ty CP LICOGI 16.6; TVHĐQT Công ty CP Sông Đà 12- Cao Cường
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	TVHĐQT Công ty CP Sông Đà 12 – Cao Cường
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	TVHĐQT -Phó TGD Công ty CP LICOGI 16; TVHĐQT- Giám đốc Công ty CP LICOGI 16.6
Số cổ phần nắm giữ:	890.000 CP, trong đó - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - Số cổ phần đại diện cho Công ty CP LICOGI 16.6: 890.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
Những người có liên quan:	Bồ Vũ Công Thịnh sở hữu 10.000 cổ phần

12.2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Đỗ Thị Minh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Trần Trung Kiên	Thành viên Ban Kiểm soát

Thông tin sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm Soát:

1. Ông

Trần Đình Tuấn

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

20/08/1958

Số CMTND:

012355339 cấp ngày 16/6/2000 tại Công an Hà Nội

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú:

Số 25 – D6 Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

04.222.50718

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế ngành Kế toán

Quá trình công tác:

8/1979 – 10/1980

Giáo viên Trường Kinh tế xây dựng – Bộ Xây Dựng

11/1980-6/1981

Phó phòng tài vụ Xí nghiệp xây dựng 104 – Công ty Xây dựng số 18 – Bộ Xây Dựng

7/1981-9/1985

Trưởng phòng tài vụ Xí nghiệp xây dựng 101 – Công ty Xây dựng số 18 – Bộ Xây Dựng

10/1985-6/1988	Sinh viên Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội
7/1988 – 8/1990	Trưởng phòng tài vụ Xí nghiệp cung ứng Vận tải – Công ty Xây dựng số 18 – Bộ Xây Dựng
8/1990 – 3/1996	Trưởng phòng tài vụ Xí nghiệp Lắp máy điện nước – Công ty Xây dựng số 18 – Bộ Xây Dựng
3/1996 – 10/2005	Kế toán trưởng Công ty Lắp máy điện nước – Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (Licogi)
10/2005 – 11/2006	Kế toán Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (Licogi)
12 -2006 đến nay	Phó giám đốc Công ty CP Licogi 16.6
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Sông Đà Cao Cường
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó giám đốc Công ty CP Licogi 16.6
Số cổ phần nắm giữ:	13.333 CP
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
Những người có liên quan:	Không
2. Bà:	Đỗ Thị Minh Ngọc
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	16/11/1979
Số CMTND:	141821365 cấp ngày 15/8/1995 tại Công an Hải Hưng

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Thanh Nghị - Thanh Liêm – Hà Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	03202.223.707
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
- Từ 1999 đến 10/2003	Kế toán trưởng HTX Bình Dương
- Từ 11/2003 đến 3/2007	Kế toán viên
- Từ 4/2007 đến 11/2007	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà Cao Cường
- Từ 12/2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Kế toán trưởng Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	700 CP
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Em Đỗ Thị Ngọc Hồi sở hữu 5.000 cổ phần

3. Ông:	Trần Trung Kiên
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	28/12/1978
<i>Số CMTND:</i>	162177660 cấp ngày 10/4/2007 tại Công an Nam Định
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hải Trung – Hải Hậu – Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P203 - Tòa nhà 17-T10- Khu DT Trung Hòa - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0912375960
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
<i>- Trước tháng 10/2009</i>	Kế toán trưởng xí nghiệp Sông Đà 12.4 của Công ty CP Sông Đà 12
<i>- Từ tháng 10/2009</i>	Kế toán Công ty Cp Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Kế toán Công ty Cp Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	1.799 CP
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Những người có liên quan:

Không

12.3. Thành viên Ban giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Kiều Văn Mát	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Kiều Quang Vọng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Tử Chung	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Giám đốc:

- Ông:** Kiều Văn Mát (xem ở phần HĐQT)
- Ông:** Vũ Đình Dũng (xem ở phần HĐQT)
- Ông:** Kiều Quang Vọng (xem ở phần HĐQT)
- Ông:** Nguyễn Tử Chung

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/10/1957

Số CMTND: 012355328 cấp ngày 25/01/2007 tại Công an TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lạc Thịnh – Yên Thủy – Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Nhà 37 – Ngõ 443 – Thanh Xuân Nam – Q. Thanh Xuân – HN

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 04.35573677

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Nhiệt

Quá trình công tác:

- Từ năm 1983 đến năm 1997

Công ty Xây lắp năng lượng (Nay là Công ty Sông Đà 11; Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật, Trưởng phòng kinh tế, Giám đốc chi nhánh tại ITALY)

- Từ năm 1997 đến 11/2007

Công ty CP Sông Đà 12; Chức vụ: Phó giám đốc nhà máy; Giám đốc BQL khu đô thị mới tại Hòa Bình

- Từ 11/2007 đến nay

Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:

Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác

Không

Số cổ phần nắm giữ:

128.000 CP , trong đó

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 28.000 cổ phần

- Số cổ phần đại diện cho Công ty CP Sông Đà 12: 100.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Những người có liên quan:

Vợ Phùng Thị Thu sở hữu 40.000 cổ phần

12.4. Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Văn Thanh	Kế toán trưởng

Thông tin về sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng:

1. Ông:	Phạm Văn Thanh
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	6/9/1967
<i>Số CMTND:</i>	141579304 Cấp ngày 10/05/2007 Tại Công an Hải Dương
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Phả Lại - Chí Linh – Hải Dương
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	0320.358.2903- DD: 0912.101.546
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cao Đẳng Kế toán – Kiểm toán
<i>Quá trình công tác:</i>	
- Từ 12/1988 đến 12/1993	Kế toán HTX Nông nghiệp
- Từ 01/1994 đến 10/2007	Kế toán trưởng Công ty CP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường và Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại
- Từ 11/2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:</i>	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà Cao Cường
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	60.000 CP
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Vợ Phạm Thị Nụ sở hữu 10.000 cổ phần Anh Phạm Văn Tuấn sở hữu 6.600 cổ phần

13. Tài sản

Bảng 17: Danh mục tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2010

Đơn vị: 1000 đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	GT còn lại/nguyên giá
TSCĐ Hữu hình	61.712.641	14.287.857	47.424.783	77%
Nhà cửa vật kiến trúc	17.854.473	3.170.582	14.683.891	82%
Máy móc thiết bị	40.177.228	10.092.220	30.085.007	75%
Phương tiện vận tải	3.560.424	945.154	2.615.270	73%
TSCĐ khác	120.516	79.901	40.615	34%
TSCĐ Vô hình	4.822.037	577.323	4.244.714	88%
Quyền sử dụng đất	1.500.000	91.494	1.408.506	94%
TSCĐVH khác	3.322.037	485.829	2.836.208	85%
TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
TỔNG	66.534.678	14.865.181	51.669.497	78%

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý I năm 2010 do Công ty cung cấp

Bảng 18: Danh mục những máy móc thiết bị chuyên dụng Công ty đang sử dụng đến thời điểm 31/03/2010

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên	Năm đầu tư	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Lò nung + cân phân tích	2008	38.225	14.334	23.891
2	Máy xúc Kobelco	2008	314.286	117.857	196.429
3	Máy xúc đào Daewoo Solar	2008	800.000	300.000	500.000
4	Máy phát điện 225 KVA	2008	238.095	76.531	161.564
5	Tụ bù chọn bộ 400 KVA	2008	39.000	14.625	24.375

STT	Tên	Năm đầu tư	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
6	Dây chuyền tuyển tro bay	2008	7.037.266	1.979.231	5.058.035
7	Dây chuyền xấy tro bay	2008	3.616.950	1.162.591	2.454.359
8	Máy xúc lật KOBECO LK 300	2008	290.476	108.929	181.547
9	Trạm điện 560 KVA	2008	913.058	256.797	656.260
10	Cầu trục xưởng sấy số II	2008	534.155	200.308	333.847
11	Máy đào SUMITOMO	2008	600.000	162.500	437.500
12	Tụ bù hạ thế trọn bộ Trạm 1000 KV	2008	72.150	22.332	49.818
13	Máy đóng bao có cân 10 tấn	2008	131.429	36.964	94.464
14	Máy xúc lật bánh lốp TCM	2008	404.762	105.407	299.355
15	Trạm biến áp 1000 KVA	2008	720.116	205.747	514.369
16	Máy đào KOMATSU	2008	680.952	226.984	453.968
17	Máy xúc đào bánh xích	2008	909.524	290.542	618.981
18	Hệ thống thiết bị lò sấy tro bay phân xưởng II	2008	3.971.522	1.103.201	2.868.321
19	Máy đóng than	2008	290.000	161.111	128.889
20	Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC200-3	2008	428.571	142.857	285.714
21	Hệ thống thiết bị lò sấy tro bay phân xưởng III	2008	5.395.088	1.498.636	3.896.453
22	Hệ thống cầu trục 2 tấn đúc xưởng sấy III	2008	923.610	230.903	692.707
23	Hệ thống cầu trục 2t x 16.97m phân xưởng sấy IV	2008	645.000	152.292	492.708
24	Hệ thống lò sấy cánh vẩy	2009			7.047.693

STT	Tên	Năm đầu tư	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
	phân xưởng sấy IV		8.352.821	1.305.128	
25	Hệ thống xi lô chứa tro bay khô xưởng sấy IV	2010	801.332	33.389	767.944
26	Hệ thống xi lô cha tro bay phân xưởng I	2010	67.444	3.372	64.072
27	Bộ máy nén khí trục vít Q50 EU	2010	189.140	5.160	183.980
28	Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC200-6Z-SK	2010	1.272.727	7.983	1.264.744
29	Trạm cân điện tử 80 tấn	2008	499.529	166.509	333.019
30	Xe ô tô Misubishi	2008	809.275	227.608	581.666
31	Ô tô tự đổ Chiến Thắng	2008	252.819	65.838	186.981
32	Xe máy Suzuki Smash	2008	14.680	5.505	9.175
33	Xe máy Suzuki Smash	2008	12.229	4.586	7.643
34	Xe ô tô tải tự đổ Chiến Thắng	2008	229.482	86.056	143.426
35	Xe ô tô tải tự đổ Chiến Thắng	2008	232.399	65.362	167.037
36	Xe tải có cần trục	2008	709.838	192.248	517.590
37	Xe ô tô Ford Ranger	2008	393.066	94.172	298.894
38	Xe ô tô Hyundai Santafe	2008	647.010	128.054	518.956
39	Xe ô tô vận tải Ben Chiến Thắng	2008	259.626	75.724	183.902
40	Máy photocopy	2008	28.067	21.050	7.017
41	Máy vi tính HPNX 63102	2008	22.380	16.785	5.595
42	Máy notebook NEC S3200	2008	24.372	18.279	6.093
43	Máy vi tính CompaqHP 6320	2008	22.476	16.857	5.619

STT	Tên	Năm đầu tư	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
44	Máy vi tính Compaq HP DV3003 TX	2009	23.220	6.929	16.291

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Bảng 19: Danh sách Nhà xưởng đến thời điểm 31/03/2010

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên	Mô tả kiến trúc	Năm đầu tư	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng tuyển tro bay	Nhà khung thép	2008	432.172	97.238	334.934
2	Nhà xưởng sấy tro bay	Nhà khung thép	2008	1.491.202	335.520	1.155.681
3	Đường bê tông	Đổ bê tông	2008	1.066.585	239.981	826.603
4	Bể chứa sân phơi, hồ ga, rãnh thoát nước		2008	2.254.533	507.270	1.747.263
5	Nhà điều hành		2008	182.847	51.425	131.421
6	Kho chứa TP tại CN Công ty tại Hải Dương	Nhà khung thép	2008	110.038	24.758	85.279
7	Nhà xưởng sấy tro bay khô số II	Nhà khung thép	2008	1.865.329	388.610	1.476.718
8	Đường nội bộ nhà máy		2008	1.180.184	196.697	983.487
9	Bể chứa tro ẩm		2008	237.056	39.509	197.546
10	Nhà ăn ca – Nhà bảo vệ		2008	98.214	16.369	81.845
11	Hệ thống điện chiếu sáng		2008	124.127	20.687	103.439
12	Hệ thống tường rào		2008	234.482	39.080	195.402

13	Nhà xưởng sấy khô III	2008	5.016.181	836.030	4.180.151
14	Nhà kho thuốc tuyến	2009	61.540	12.820	48.719
15	Nhà xưởng sấy tro bay khô số 4	2009	3.499.975	364.580	3.135.395

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

*** Đất đai đang quản lý:**

- Vị trí : Tại nhà máy sản xuất tro bay Phả Lại. Hồ xi Bắc Bình Giang – TT Phả Lại Chí Linh - Hải Dương.
- Diện tích : 24.698 m²
- Tình trạng quản lý:
 - GCN QSD đất số T 00964 ngày 22/03/2007 và HĐTD số 563 ngày 02/10/06
 - Hợp đồng thuê đất số 774/HĐTD ngày 28/09/2007
- Thời hạn : 50 năm
- Mục đích sử dụng : sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh.
- Giá trị sổ sách : 1.500.000.000 đồng

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới

14.1. Các chỉ tiêu hoạt động trong các năm tiếp theo

Bảng 20: Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2010 – 2012

Chỉ tiêu	2009	2010		2011		2012	
		Giá trị	Tăng/ giảm so với 2009	Giá trị	Tăng/giảm so với 2010	Giá trị	Tăng/giảm so với 2011
Doanh thu	73.238	144.594	97%	306.825	112%	465.306	52%
Vốn chủ sở hữu	94.664	145.100	53%	196.859	36%	263.567	34%
Lợi nhuận Trước thuế	16.257	42.936	164%	78.759	83%	100.431	28%
Lợi nhuận sau thuế	16.257	42.936	164%	78.759	83%	98.208	25%
Tỉ lệ LNST/ DT thuần (%)	22%	30%	36%	26%	-14%	21%	-18%

LNST/VCSH (%)	17%	30%	76%	40%	35%	37%	-7%
Vốn điều lệ	60.000	90.000	50%	90.000	0%	90.000	0%
Cổ tức/vốn ĐL (%)	20%	25%	25%	30%	20%	35%	17%

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Căn cứ để thực hiện kế hoạch trên:

- Năm 2009 và các năm trước, Công ty chỉ cung cấp sản phẩm chính là tro bay và phụ phẩm là than qua tuyển. Sản phẩm tro bay của Công ty hiện mới được sử dụng tại các dự án thủy điện lớn có ứng dụng công nghệ bê tông đầm lăn, vì vậy, doanh thu của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào khả năng phát triển và tiến độ giải ngân của các dự án này. Tuy nhiên, đến năm 2010, với việc xây dựng và đưa nhà máy gạch nhẹ AAC đi vào hoạt động, Công ty đã từng bước chuyển hướng kinh doanh sang cung cấp các sản phẩm gạch đến các công trình xây dựng cơ bản và dân dụng, từ đó mở rộng cơ sở khách hàng, chủ động doanh thu, giảm sự lệ thuộc vào một nhóm khách hàng nhỏ. Sản phẩm gạch nhẹ nói riêng và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác chính là định hướng lâu dài của Công ty. Đây là bước đi đúng đắn và cần thiết với một Công ty tuổi đời còn trẻ như Sông Đà Cao Cường.
- Tính đến thời điểm 31/03/2010, doanh thu Quý 1 năm 2010 của công ty đạt 45,1 tỷ, đạt 31% kế hoạch đề ra cho năm 2010 và đạt tới 62% doanh thu của toàn năm 2009. Với đà tăng trưởng như hiện nay, Công ty tự tin có thể đạt được kế hoạch đề ra cho năm 2010. Một số hợp đồng dự kiến đem lại doanh thu lớn năm 2010:
 - Hợp đồng cung cấp cho dự án Bản Chát đạt 48 tỷ
 - Dự án Sơn La đạt 27,7 tỷ
 - Dự án Sông Tranh II: 10,5 tỷ
 - Bán than qua tuyển là 18,5 tỷ.
 - Doanh thu còn lại công ty dự kiến thu được từ nhà máy gạch nhẹ chung áp AAC.

14.2. Chiến lược sản xuất kinh doanh

Hướng sản xuất kinh doanh của Công ty là cân đối hài hoà giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì sự tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm; lấy sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các sản phẩm mới làm trọng tâm, đồng thời khai thác tốt các cơ hội để mang lại lợi nhuận cao, góp phần hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh phát triển.

Hướng phát triển của Công ty một phần được hoạch định trong Dự án gạch nhẹ chung áp AAC, song cơ bản là năm 2008 đã qua cũng như từ năm 2009 trở đi Công ty là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất tro bay của Việt Nam; từ năm 2011 Công ty là đơn vị đi đầu và có quy mô lớn về sản xuất gạch bê tông nhẹ; đồng thời không ngừng mở thêm sản phẩm mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá ngành nghề, đưa Công ty trở thành đơn vị đi đầu trong sản xuất vật liệu xây dựng mới trong ngành xây dựng. Để làm được việc đó Công ty triển khai thực hiện nhiều chính sách, như chính sách về thị trường, về nghiên cứu phát hiện, áp dụng công nghệ mới, chính sách sản phẩm mới, chính sách lao động....Trong đó yếu tố con người là then chốt, nhằm có được đội ngũ lao động đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

14.3. Kế hoạch đầu tư

Mục tiêu mở thêm mặt hàng mới có tính tiên phong trong việc đổi mới vật liệu xây dựng theo định hướng của Nhà Nước, đó là xây dựng và thực hiện Dự án gạch nhẹ chung áp AAC để đưa ra thị trường mặt hàng bê tông nhẹ thay thế cho gạch đỏ truyền thống. Đồng thời phát huy công suất hiện có của Nhà máy sản xuất tro bay, mở rộng thị trường sử dụng tro bay trong các lĩnh vực sản xuất xi măng, xây dựng, giao thông, thủy lợi và sản xuất vật liệu nhẹ phục vụ cho ngành công nghiệp và dân dụng...Công ty đang quyết tâm thực hiện dự án nêu trên.

Giới thiệu về dự án gạch nhẹ

a. Khái quát về dự án

- Tên dự án: Dự án xây dựng nhà máy gạch nhẹ chung áp AAC
- Địa điểm: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Tổng mức đầu tư: 161,4 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: 2/2009 – 10/2010
- Công suất thiết kế: 200.000 m³/năm

b. Mục tiêu của dự án

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp AAC sử dụng nguồn nguyên liệu tro bay đã qua chế biến và vữa khô trộn sẵn của công ty nhằm cung cấp sản phẩm cho thị trường xây dựng trong nước (Khu vực: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương...)
- Góp phần quan trọng trong quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương, tăng thu nhập đáng kể cho ngân sách của tỉnh Hải Dương nói riêng và Quốc Gia nói chung

- Tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, góp phần phát triển kinh tế văn hoá xã hội

c. Căn cứ pháp lý của dự án

Hiện tại, dự án đang được gấp rút triển khai hoàn tất những giai đoạn lắp ráp cuối cùng để đi vào chạy thử tháng 10/2010 trước khi đi vào sản xuất chính thức. Công ty đã hoàn thiện đầy đủ các cơ sở pháp lý liên quan đến dự án bao gồm:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000197 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh Hải Dương;
- Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2009 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thu hồi và cho Công ty CP Sông Đà Cao Cường thuê đất để xây dựng dự án Nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC;
- Quyết định số 2371/QĐ- UBND và số 3199/QĐ- UBND của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi và cho thuê đất để xây dựng dự án Nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC;
- Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường ngày 27/12/2009 về việc phê duyệt phương án đầu tư xây dựng nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC.
- Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường ngày 29/09/2009 về việc phê duyệt thông qua phương án điều chỉnh đầu tư xây dựng nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC.
- Công văn số 1311/CV-VCBHD ngày 02/10/2009 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương về việc “Cho vay dự án đầu tư nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC”.

d. Tính khả thi của dự án

Tính khả thi của dự án đã được Công ty cân nhắc kỹ trước khi đưa ra phương án đầu tư. Dự án đầu tư của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Chính phủ và của tỉnh. Theo quy hoạch phát triển tổng thể của công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tại Việt Nam đến năm 2015 tăng tỷ lệ sản xuất gạch không nung lên 30% và đến năm 2020 tỷ lệ này phải tăng lên ít nhất là 50%. Chủ trương của Tỉnh Hải Dương cũng là phát huy thế mạnh của địa phương, đó là nguồn phế thải nhiệt điện Phả Lại, khai thác và chế biến nguồn phế thải này thành các sản phẩm có giá trị trong ngành công nghiệp xây dựng với giá trị kinh

tế cao, vừa giải quyết được môi trường vừa mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, tiết kiệm tài nguyên cho đất nước góp phần tăng trưởng kinh tế của Tỉnh nhà.

Căn cứ thứ hai được cân nhắc khi tiến hành đầu tư là vào khả năng cạnh tranh của các Công ty trong cùng lĩnh vực. Trước năm 2008 các nhà sản xuất gạch nung chi phí cho nguyên liệu sản xuất gạch rất ít, không đáng kể, nhiên liệu đốt thì khai thác tùy tiện từ rừng hay than với giá rẻ cho nên giá thành gạch nung rất thấp so với giá trị của nó (khoảng 300 đồng/viên). Từ đó tạo ra sự cạnh tranh hết sức không công bằng với gạch không nung vốn được làm từ nguồn nguyên vật liệu được kiểm soát chặt chẽ. Đến nay nguyên liệu đất cũng là nguồn tài nguyên quý giá mà Nhà nước bắt đầu thu thuế, việc khai thác nhiên liệu đốt là gỗ, củi từ rừng cũng được Nhà nước bắt đầu quản lý chặt chẽ, nhiên liệu than cũng đã tăng, dẫn đến giá trị gạch nung sẽ bị tăng lên nhiều lần (khoảng 1000 đồng/viên). Đây là cơ hội vô cùng quan trọng cho việc sản xuất vật liệu xây không nung. Hơn thế nữa, loại gạch nhẹ mà công ty đang tiến đầu tư sản xuất có những tính năng ưu việt hơn hẳn so với loại gạch nung thông thường.

- Giải quyết vấn đề làm sạch môi trường, ít gây cản trở giao thông khi chuyên chở và tập kết vật liệu xây dựng vào các khu đô thị.
- Tính ưu việt về khả năng kết hợp vật liệu là gạch nhẹ chung áp và vữa trộn sẵn trong công việc xây trát để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý, môi trường đảm bảo trong quá trình xây dựng công trình.
- Giảm tải cho công trình dẫn đến giảm chi phí xử lý nền móng và hệ thống kết cấu góp phần giảm mức đầu tư xây dựng công trình từ 7-10%.
- Tăng tiến độ thi công và hoàn thành phần bao che công trình lên 2-5 lần.
- Khả năng cách nhiệt của bê tông cao hơn nhiều làm cho nhà ấm về mùa đông và mát về mùa hè, tiết kiệm điện năng sưởi hoặc điều hoà nhiệt độ.

e. Hiệu quả tài chính của dự án

Tổng số vốn đầu tư của dự án là 161,4 tỷ đồng. Dự án được triển khai từ đầu năm 2009 và dự kiến sẽ hoàn thành việc đầu tư vào tháng 10/2010. Sau khi chạy thử, dự kiến Công ty sẽ bắt đầu tiến hành sản xuất chính thức ngay trong năm 2010.

Theo tính toán của Sông Đà Cao Cường, sau khi chính thức đi vào hoạt động, hàng năm dự án gạch nhẹ sẽ đem lại khoản doanh thu không dưới 100 tỷ đồng, với lợi nhuận sau thuế trung bình trên 20 tỷ đồng cho Công ty.

Bảng 21: Lợi nhuận thu được từ dự án

Đơn vị: Tr.đ

TT	Nội dung	Năm vận hành									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Doanh thu	112.500	127.500	150.000	150.750	150.750	151.504	151.500	152.250	152.250	152.250
2	Chi phí giá thành	98.406	105.361	116.221	114.646	112.322	108.528	108.527	109.603	109.603	109.603
3	Lợi nhuận trước thuế	14.094	22.139	33.779	36.104	38.428	42.976	42.973	42.647	42.647	42.647
4	Thuế TNDN (25%)	3.523	5.535	8.445	9.026	9.607	10.744	10.743	10.662	10.662	10.662
5	Lợi nhuận sau thuế	10.570	16.604	25.334	27.078	28.821	32.232	32.229	31.985	31.985	31.985
6	Lợi nhuận sau thuế/DT	9%	13%	17%	18%	19%	21%	21%	21%	21%	21%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

Dựa vào số liệu trong quá khứ, triển vọng phát triển của ngành cùng với những căn cứ về các dự án đang triển khai và sẽ triển khai trong thời gian tới nói trên, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận năm 2010 do Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường công bố có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường.

15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- 1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phiếu
- 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết:** 9.000.000 (chín triệu) cổ phiếu
- 4. Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết:** 90.000.000.000 VND (chín mươi tỷ đồng)
- 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**

Theo Nghị định 14/2007/NĐ – CP ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu các thành viên này nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu trên trong 6 tháng tiếp theo. Tổng số cổ phiếu hạn chế chuyển

nhượng của Công ty theo quy định này là: 3.923.264 CP, tương đương với 43,59% số cổ phần.

Danh sách các cá nhân và tổ chức liên quan có cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng	SLCP hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo
1	Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Đại diện: 830.000 Cá nhân: 36.000	Đại diện: 415.000 Cá nhân: 18.000
2	Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT kiêm phó TGD	Đại diện: 500.000 Cá nhân: 32.000	Đại diện: 250.000 Cá nhân: 16.000
3	Hoàng Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	Đại diện: 474.000 Cá nhân: 66.666	Đại diện: 237.000 Cá nhân: 33.333
4	Vũ Đình Dũng	Thành viên HĐQT kiêm phó TGD	Cá nhân: 29.600	Cá nhân: 14.800
5	Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 400.000	Cá nhân: 200.000
6	Đỗ Dũng	Thành viên HĐQT	Đại diện: 434.500 Cá nhân: 26.666	Đại diện: 217.250 Cá nhân: 13.333
7	Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	Đại diện: 890.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 445.000 Cá nhân: 0
8	Nguyễn Tử Chung	Phó tổng giám đốc	Đại diện: 100.000 Cá nhân: 28.000	Đại diện: 50.000 Cá nhân: 14.000
9	Trần Đình Tuấn	Trưởng BKS	Cá nhân: 13.333	Cá nhân: 6.667
10	Trần Trung Kiên	Thành viên BKS	Cá nhân: 1.799	Cá nhân: 900
11	Đỗ Thị Minh Ngọc	Thành viên BKS	Cá nhân: 700	Cá nhân: 350
12	Phạm Văn Thanh	Kế toán trưởng	Cá nhân: 60.000	Cá nhân: 30.000
TỔNG CỘNG			3.923.264	1.961.632

(Nguồn: CTCP Sông Đà Cao Cường)

6. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của công ty được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{Một cổ phần} \end{array} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu – Số cổ phiếu quỹ}}$$

- Giá trị sổ sách Công ty tại ngày 31/12/2009⁹:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{Một cổ phần} \end{array} = \frac{94.083.474.290 - 2.580.480.867}{6.000.000} \\ = 15.347 \text{ VNĐ/cổ phiếu}$$

- Giá trị sổ sách Công ty tại ngày 31/03/2010¹⁰:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{Một cổ phần} \end{array} = \frac{142.649.659.023 - 2.354.557.417}{9.000.000} \\ = 15.588 \text{ VNĐ/cổ phiếu}$$

7. Giới hạn nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Sông Đà Cao Cường không quy định tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với cổ đông nước ngoài.

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật tại quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2009, nhà đầu tư nước ngoài đã nắm giữ 0% số cổ phần của Công ty CP Sông Đà Cao Cường, như vậy, số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài còn được mua sau khi niêm yết là 49%.

8. Các loại thuế liên quan

8.1. Thuế GTGT

Thuế suất 10% được áp dụng đối với sản phẩm của công ty. Tuy nhiên trong năm 2009 theo Thông tư số 91/2009/TT-BTC, sản phẩm này được áp dụng giảm thuế

⁹ Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 đã kiểm toán

¹⁰ Nguồn: Báo cáo tài chính Quý I năm 2010

suất thuế GTGT là 50% tức là $(10\% \times 50\%)$, thời hạn được giảm 50% thuế suất thuế GTGT đến hết 31/12/2009.

8.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo công văn số 2660/CV-TTHT ngày 31/12/2007 của Cục thuế Hải Dương, Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ, thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính, và căn cứ nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ, công ty CP Sông Đà Cao Cường thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, do vậy Công ty CP Sông Đà Cao Cường được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo; được áp dụng mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động SXKD cho dự án sản xuất tro bay.

8.3. Thuế Thu nhập của Nhà đầu tư

Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2004 quy định tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu, thuế suất áp dụng là thuế suất thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Đối với các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam sẽ áp dụng một mức thuế khoán bằng 0.1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng theo Thông tư Số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư 100/2004/TT-BTC.

Đối với nhà đầu tư cá nhân, Thông tư 84/2008/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 9 năm 2008 gửi kèm công văn Số 2697/BTC-VP ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định nhà đầu tư có thể lựa chọn một trong hai hình thức nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Tuy nhiên trong trường hợp áp dụng biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì cá nhân chuyển nhượng chứng khoán vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng từng phần do công ty chứng khoán thu hộ.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

Địa chỉ	Số 160 - Phố Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại	(84.4) 8689566
Fax	(84.4) 8686248
Website	http://kiemtoanava.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam

Trụ sở chính	Tầng 10. Toà A. Tháp đôi VinCom. 191 Bà Triệu. Hai Bà Trưng. Hà Nội.
Điện thoại	(84.4) 22 200 672
Fax	(84.4) 22 200 669
Website	www.bsc.com.vn
Chi nhánh	Lầu 9, tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.8) 38 218 508

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

TRƯỞNG BAN KIỂM
SOÁT

TRẦN ĐÌNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN THANH

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM

TỔNG GIÁM ĐỐC



KIỀU VĂN MÁT

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG

ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM 

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Thanh